

Số: 79/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về khung danh mục vị trí việc làm, điều kiện nhân sự, quy trình cai nghiện ma túy và chế độ của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; trang phục của lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của đồng chí Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về khung danh mục vị trí việc làm, điều kiện nhân sự, quy trình cai nghiện ma túy và chế độ của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; trang phục của lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn và quy định về các nội dung: khung danh mục vị trí việc làm, điều kiện nhân sự, quy trình cai nghiện ma túy và chế độ của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; trang phục của lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

- Cơ sở cai nghiện ma túy công lập.
- Trường giáo dưỡng.
- Cán bộ, chiến sĩ tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng.
- Lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

5. Người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng và gia đình của người cai nghiện ma túy.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Chế độ của người cai nghiện ma túy tại trường giáo dưỡng, khu quản lý người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Chế độ của người cai nghiện ma túy tại trường giáo dưỡng, khu quản lý người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập được thực hiện theo quy định về chế độ của học sinh tại trường giáo dưỡng theo quy định của Chính phủ và Bộ Công an về chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc.

Điều 4. Thời hạn, quy trình cai nghiện ma túy trong trường giáo dưỡng

1. Thời hạn cai nghiện ma túy tại trường giáo dưỡng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025.

2. Trường giáo dưỡng thực hiện quy trình cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại Chương III Thông tư này.

Điều 5. Hệ thống quản lý cơ sở cai nghiện thông minh

1. Hệ thống quản lý cơ sở cai nghiện thông minh gồm:

a) Phần mềm quản lý cơ sở cai nghiện được kết nối, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cơ sở dữ liệu người nghiện ma túy và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

b) Hệ thống trang thiết bị công nghệ phục vụ công tác cai nghiện, quản lý, giám sát, điều hành; tăng cường khả năng kiểm soát, phòng ngừa vi phạm và bảo đảm an ninh, an toàn tại cơ sở cai nghiện ma túy.

2. Triển khai hệ thống quản lý cơ sở cai nghiện thông minh là hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực cai nghiện ma túy; việc thực hiện phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, thống nhất theo các quy định tại Thông tư này.

Chương II

KHUNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, ĐIỀU KIỆN NHÂN SỰ CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TUÝ CÔNG LẬP, TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 6. Khung danh mục vị trí việc làm tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Trưởng cơ sở; Phó Trưởng cơ sở; Tổ trưởng; Phó Tổ trưởng.

2. Tham mưu, hành chính, tổng hợp; tổ chức cán bộ; kế hoạch tài chính; văn thư; thủ quỹ; tiếp nhận, quản lý, lưu trữ, báo cáo, số hóa hồ sơ người cai nghiện ma túy; tiếp dân; căng tin; sửa chữa, bảo trì đối với: hệ thống cấp điện, cấp, thoát nước, phương tiện và các máy móc, thiết bị khác; cấp dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ,

lao động hợp đồng và người cai nghiện ma túy; vệ sinh khu vực sử dụng chung, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh; lái xe ô tô, lái phương tiện thủy nội địa đối với các cơ sở cai nghiện ma túy có địa bàn đảo (phục vụ công tác chung).

3. Quản lý người cai nghiện ma túy và giáo dục, dạy nghề.

4. Cán bộ, nhân viên y tế gồm: Bác sĩ, dược sĩ, y tá, y sĩ, điều dưỡng, phục hồi chức năng, kỹ thuật viên y tế và chuyên môn khác phù hợp.

Điều 7. Điều kiện nhân sự tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Chỉ huy cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cán bộ, chiến sĩ và lao động hợp đồng làm công tác quản lý người cai nghiện ma túy và giáo dục, dạy nghề; cán bộ, nhân viên y tế phải có chứng chỉ hoặc chứng nhận tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn trong công tác cai nghiện ma túy do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo khung chương trình do Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy ban hành.

2. Người phụ trách chuyên môn thực hiện giai đoạn điều trị cắt cơn, giải độc, rối loạn tâm thần và các bệnh lý khác là bác sĩ, có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tâm thần hoặc đa khoa hoặc chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa y học cổ truyền. Trường hợp bác sĩ có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hoặc chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa y học cổ truyền phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn xác định tình trạng nghiện, điều trị cắt cơn, giải độc, rối loạn tâm thần tại cơ sở có chức năng đào tạo.

Điều 8. Khung danh mục vị trí việc làm và điều kiện nhân sự của trường giáo dưỡng

1. Khung danh mục vị trí việc làm của trường giáo dưỡng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Cán bộ, chiến sĩ và lao động hợp đồng của trường giáo dưỡng làm công tác cai nghiện ma túy phải có chứng chỉ hoặc chứng nhận tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn trong công tác cai nghiện ma túy do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo khung chương trình của Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy ban hành.

Người phụ trách chuyên môn thực hiện giai đoạn điều trị cắt cơn, giải độc, rối loạn tâm thần và các bệnh lý khác là bác sĩ tại trường giáo dưỡng phải đáp ứng điều kiện của khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Chương III

QUY TRÌNH CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

Điều 9. Giai đoạn tiếp nhận, phân loại

1. Nội dung và biện pháp thực hiện

a) Tổ Tham mưu, tổng hợp chủ trì, phối hợp với Tổ Quản lý người cai nghiện ma túy và giáo dục, dạy nghề tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ của người cai

nghiện ma túy, đối chiếu người được tiếp nhận với các thông tin trong hồ sơ để bảo đảm đúng người cai nghiện ma túy và lập hồ sơ người cai nghiện ma túy để quản lý, lưu trữ. Đối với hồ sơ của người cai nghiện ma túy bắt buộc thực hiện theo quy định về công tác hồ sơ của Bộ Công an; đối với hồ sơ của người cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tổ Y tế chủ trì, phối hợp với Tổ Quản lý người cai nghiện ma túy và giáo dục, dạy nghề tiến hành thu thập thông tin cá nhân của người cai nghiện ma túy gồm: độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, loại ma túy sử dụng, mức độ sử dụng, trình độ học vấn, nghề nghiệp và các vấn đề khác về bản thân, gia đình người cai nghiện ma túy.

2. Tổ Quản lý người cai nghiện ma túy và giáo dục, dạy nghề chủ trì, phối hợp với Tổ Tham mưu, tổng hợp cung cấp thông tin về chương trình, phương pháp cai nghiện cho người cai nghiện ma túy; phối hợp với Tổ Y tế phân loại đối tượng và tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy, gồm:

a) Thông tin, tư vấn về phương pháp, chương trình cai nghiện ma túy; giải đáp các thắc mắc cho người cai nghiện ma túy;

b) Kiểm tra người (nam kiểm tra nam, nữ kiểm tra nữ), đồ dùng cá nhân; lưu giữ tài sản cá nhân (nếu có) theo quy định và cấp phát đồ dùng, tư trang cá nhân theo chế độ cho người cai nghiện ma túy, chụp ảnh hoàn thiện hồ sơ. Lập biên bản giao, nhận ghi rõ tình trạng sức khỏe; số lượng tài liệu, hồ sơ; tư trang, đồ dùng cá nhân của người bị đưa đi cơ sở cai nghiện ma túy công lập;

c) Phổ biến nội quy của cơ sở cai nghiện ma túy;

d) Tư vấn cho người cai nghiện ma túy, gia đình người cai nghiện ma túy về phương pháp cai nghiện, vai trò, trách nhiệm của gia đình trong suốt quá trình người nghiện cai nghiện ma túy thực hiện cai nghiện. Tư vấn các biểu hiện của hội chứng cai khi cắt cơn, diễn biến, biểu hiện tâm lý trong các giai đoạn, những nguy cơ có thể xảy ra; tư vấn thuốc hỗ trợ điều trị theo từng giai đoạn;

đ) Xếp phòng, phân khu người cai nghiện ma túy theo từng nhóm: nhân thân tốt, thời gian nghiện ma túy; có tiền án, tiền sự; nghiện lâu năm, tái nghiện; bệnh truyền nhiễm để tổ chức theo dõi, quản lý;

e) Phân loại người cai nghiện ma túy và tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy;

g) Thông báo bằng văn bản cho Công an cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện khi người cai nghiện ma túy sử dụng dịch vụ hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ tại cơ sở cai nghiện ma túy.

3. Cập nhật thông tin ban đầu của người cai nghiện ma túy vào hệ thống cơ sở dữ liệu, số hóa hồ sơ, quản lý danh sách người cai nghiện ma túy; thêm mới, chỉnh sửa, cập nhật và theo dõi các thông tin liên quan đến người cai nghiện ma

túy; quản lý, lưu trữ và xuất các biểu mẫu nghiệp vụ liên quan đến quá trình tiếp nhận, quản lý người cai nghiện ma túy trên phần mềm quản lý cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 10. Giai đoạn điều trị cắt cơn, giải độc, rối loạn tâm thần và các bệnh lý khác

1. Nội dung và phương pháp thực hiện

a) Khám, lập hồ sơ bệnh án đối với người cai nghiện ma túy theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; chú ý các dấu hiệu rối loạn tâm thần, bệnh nhiễm trùng cơ hội, bệnh truyền nhiễm.

Căn cứ vào các biểu hiện, triệu chứng trong hội chứng cai, trạng thái cai và các biểu hiện rối loạn tâm thần; tình trạng sức khỏe người cai nghiện ma túy, xác định loại ma túy đã từng sử dụng, khai thác về liều lượng, mức độ phụ thuộc của người cai nghiện ma túy để xây dựng phác đồ cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, xây dựng phác đồ điều trị cho phù hợp với người cai nghiện ma túy theo quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế.

Hằng ngày, cán bộ, nhân viên y tế khám, ra y lệnh về thuốc, chế độ chăm sóc, theo dõi, ăn uống và ghi diễn biến vào bệnh án điều trị đối với người cai nghiện ma túy theo quy định. Việc cấp phát và giám sát sử dụng thuốc đối với người cai nghiện ma túy phải được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định;

b) Tư vấn tâm lý đối với người cai nghiện ma túy trước khi điều trị cắt cơn, giải độc. Nắm bắt, nhận định diễn biến tâm lý và các vấn đề người cai nghiện ma túy gặp phải; các bệnh nhiễm trùng cơ hội, bệnh truyền nhiễm để đưa ra các biện pháp tư vấn tâm lý giúp người cai nghiện ma túy yên tâm, giải tỏa tâm lý, giảm bớt áp lực và phối hợp trong điều trị. Việc tư vấn tâm lý cho người cai nghiện thực hiện trong suốt quá trình điều trị giúp người cai nghiện ma túy nhanh chóng hồi phục;

c) Thực hiện phác đồ điều trị theo các quy định, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Kết hợp sử dụng thuốc với các biện pháp tâm lý và các biện pháp vật lý trị liệu phục hồi chức năng; kết hợp điều trị cắt cơn, giải độc với điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh cơ hội khác.

Tư vấn, giải thích với thân nhân người cai nghiện ma túy về các bệnh lý phát sinh trong quá trình cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy để phối hợp khám và điều trị chuyên khoa đối với các bệnh lý khác (nếu có);

d) Cán bộ, nhân viên y tế thực hiện việc khám, chữa bệnh theo đúng quy trình chuyên môn, phạm vi hoạt động chuyên môn, nếu vượt quá khả năng chuyên môn thì thực hiện chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp theo quy định.

2. Tạo lập, quản lý bệnh án điện tử của người cai nghiện ma túy; theo dõi quá trình điều trị cắt cơn, giải độc và điều trị các bệnh lý liên quan; theo dõi quá trình khám, chẩn đoán và điều trị bệnh của người cai nghiện trong suốt thời gian cai nghiện; quản lý hồ sơ y tế và lịch sử điều trị của người cai nghiện ma túy trên phần mềm quản lý cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 11. Giai đoạn giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách

1. Nội dung và phương pháp thực hiện

a) Tổ chức học nội quy, quy định của cơ sở cai nghiện ma túy; thực hiện chào cờ và học tập đội ngũ, trật tự nội vụ, chính trị, pháp luật, bổ túc văn hóa, kỹ năng sống và các chuyên đề phù hợp khác.

Chào cờ Tổ quốc: Tổ chức cho người cai nghiện ma túy học hát Quốc ca và nghi lễ chào cờ Tổ quốc bảo đảm thực hiện mỗi tuần/lần vào sáng thứ Hai. Số lượng người cai nghiện ma túy tham gia lễ chào cờ Tổ quốc mỗi lần do Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy quyết định. Cán bộ của cơ sở cai nghiện ma túy có chuyên môn, kinh nghiệm hoặc phối hợp với Phòng Công tác chính trị và Phòng Cảnh sát Cơ động hướng dẫn cho người cai nghiện ma túy học hát Quốc ca và nghi lễ chào cờ Tổ quốc.

Học tập đội ngũ và trật tự nội vụ: Tổ chức cho người cai nghiện ma túy nắm vững các động tác cơ bản, rèn luyện tính kỷ luật và tinh thần tập thể, xây dựng tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc và tạo thói quen sinh hoạt có tổ chức, nề nếp. Mỗi lớp học có sĩ số từ 10 người trở lên, do một cán bộ phụ trách chính và một cán bộ trợ giảng đảm nhiệm. Cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy có chuyên môn, kinh nghiệm hoặc phối hợp với Phòng Công tác chính trị và Phòng Cảnh sát Cơ động hướng dẫn cho người cai nghiện ma túy học tập đội ngũ và trật tự nội vụ.

Học chính trị: Mỗi lớp học có sĩ số từ 15 người cai nghiện ma túy trở lên. Nội dung, chương trình học tập phải bảo đảm tính thiết thực, dễ hiểu, phương pháp sinh động và phù hợp với đối tượng, đồng thời bảo đảm tính hiệu quả và thiết thực trong việc giáo dục, cải tạo người cai nghiện ma túy. Giảng viên là cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy có kinh nghiệm công tác từ 05 năm trở lên và có trình độ Trung cấp lý luận chính trị. Cơ sở cai nghiện ma túy có thể phối hợp với các đơn vị chức năng của Công an cấp tỉnh hoặc có quy chế phối hợp với trung tâm giáo dục chính trị trên địa bàn để tổ chức thực hiện.

Học pháp luật: Mỗi lớp học có sĩ số từ 15 người cai nghiện ma túy trở lên. Giảng viên là cán bộ của cơ sở cai nghiện ma túy có chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy, có trợ giảng hỗ trợ thảo luận nhóm. Cơ sở cai nghiện ma túy có thể ký kết hợp đồng hoặc có quy chế phối hợp với các cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn hoặc các trường Công an nhân dân để tổ chức thực hiện.

Học kỹ năng sống: Mỗi lớp học có sĩ số từ 15 người cai nghiện ma túy trở lên; ngoài tổ chức giảng dạy theo chương trình, thời gian thực hành chiếm 60% tổng thời lượng. Ngoài ra, người cai nghiện ma túy phải duy trì sinh hoạt nhóm hàng tuần trong suốt quá trình cai nghiện. Giảng viên là cán bộ của cơ sở cai nghiện ma túy có chuyên môn và kinh nghiệm hướng dẫn, có trợ giảng hỗ trợ thực hành. Cơ sở cai nghiện ma túy có thể ký kết hợp đồng hoặc có quy chế phối hợp với các cơ sở giáo dục, các trung tâm có chức năng đào tạo kỹ năng sống hoặc các chuyên gia tâm lý để tổ chức thực hiện.

Bổ túc văn hóa: Tùy thuộc khả năng và điều kiện thực tế, cơ sở cai nghiện ma túy xây dựng chương trình dạy học cho người cai nghiện ma túy theo chương trình xóa mù chữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian học được phân bổ vào buổi sáng, buổi chiều và thời gian tự học vào buổi tối. Cán bộ, lao động hợp đồng của cơ sở cai nghiện ma túy có chuyên môn để giảng dạy văn hóa, xóa mù chữ hoặc phối hợp với các trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn thực hiện.

Rèn luyện thể chất: Được triển khai sau giai đoạn cắt cơn, giải độc nhằm bảo đảm an toàn và phục hồi sức khỏe cho người cai nghiện ma túy. Việc tập luyện được cá thể hóa theo thể trạng, giới tính và mức độ nghiện; bắt đầu với cường độ thấp, tăng dần theo thời gian.

Trong quá trình thực hiện giai đoạn giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách cần tiếp tục điều trị phối hợp các bệnh lý kèm theo (nếu có) theo quy trình, phạm vi hoạt động chuyên môn, nếu vượt quá khả năng chuyên môn thì chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có cấp chuyên môn, kỹ thuật theo quy định.

Nội dung, chương trình, tài liệu học văn hóa, chính trị, pháp luật, kỹ năng sống, học tập đội ngũ, trật tự nội vụ và các nội dung khác theo tài liệu của Nhà nước và Bộ Công an ban hành. Việc đánh giá kết quả học tập tại các cơ sở cai nghiện ma túy dựa trên ba tiêu chí: kiểm tra giữa khóa (30%), bài tập tình huống (30%) và kiểm tra cuối khóa (40%). Lấy kết quả học tập để làm căn cứ đánh giá, phân loại người cai nghiện ma túy;

b) Tổ chức các hoạt động trị liệu tâm lý nhằm điều trị các rối loạn tâm thần, nâng cao kỹ năng sống, giá trị sống, tư duy tích cực, kỹ năng tự quản lý bản thân cho người cai nghiện ma túy:

Tư vấn cá nhân: Tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, các vấn đề người cai nghiện ma túy đang gặp phải cần tham vấn, tư vấn; xây dựng nội dung trị liệu và thực hiện trị liệu tâm lý phù hợp với từng vấn đề của người cai nghiện ma túy đang gặp phải (có tư tưởng tiêu cực, lo lắng, vi phạm quy chế, kích động, chống đối...); khai thác, chia sẻ, lắng nghe ý kiến người cai nghiện ma túy để tư vấn giúp người cai nghiện ma túy yên tâm cai nghiện ma túy. Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, tình cảm để giúp người cai nghiện ma túy xóa bỏ sự cô độc, mặc cảm nhằm điều trị các rối loạn tâm thần, nâng cao kỹ năng sống, tư duy tích cực, kỹ năng tự quản lý bản thân cho người cai nghiện ma túy.

Thời gian tư vấn cá nhân: Tùy từng vấn đề cần trị liệu của người cai nghiện ma túy, cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm phân công cán bộ và bố trí thời gian hợp lý để thực hiện, tối thiểu 45 phút/lần, tối đa không quá 02 lần/tuần. Thời gian thực hiện tư vấn có thể kéo dài trong suốt quá trình cai nghiện ma túy.

Tư vấn nhóm: Xây dựng kế hoạch trị liệu tâm lý theo nhóm và triển khai thực hiện để từng người cai nghiện ma túy được tham gia, nâng cao khả năng tương tác, giảm bớt sự căng thẳng, lo âu và nhận ra được giá trị của bản thân.

Tổ chức người cai nghiện ma túy thành từng nhóm; tại mỗi nhóm, người cai nghiện ma túy có thể bày tỏ những tâm tư, vướng mắc, lo âu để mọi người trong nhóm cùng trao đổi, thảo luận, tìm cách giúp đỡ, xóa bỏ sự cô độc, mặc cảm, thúc đẩy sự tôn trọng lẫn nhau, sự cởi mở và chia sẻ giữa mọi người. Hoạt động này được duy trì thường xuyên (hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng). Tổ chức sinh hoạt, giao lưu tổ, nhóm đối với người cai nghiện ma túy: Sinh hoạt, giao lưu về các chủ đề đạo đức, trách nhiệm với gia đình và xã hội, về tác hại của nghiện ma túy.

Thời gian tư vấn nhóm: Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm phân công cán bộ và bố trí thời gian hợp lý để thực hiện tối thiểu 60 phút/lần, tối đa không quá 02 lần/tuần;

c) Kết hợp học tập, lao động trị liệu với tư vấn, khuyến khích người cai nghiện ma túy tham gia các hoạt động lao động sinh hoạt hằng ngày như: dọn vệ sinh môi trường, cảnh quan, phòng ở, nhà xưởng, trồng cây, cắt tỉa cây cảnh, cắt tóc, nấu ăn và các hoạt động khác phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở cai nghiện ma túy;

d) Tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao, các chương trình sinh hoạt tập thể, trò chơi vận động cho người cai nghiện ma túy chào mừng các ngày lễ, Tết trong năm như: Tổ chức giải thể thao nội bộ cho người cai nghiện ma túy tại các khu quản lý; giữa cán bộ, lao động hợp đồng với người cai nghiện ma túy. Hoạt động trò chơi, giao lưu văn nghệ, thể thao giữa cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng, người cai nghiện ma túy tại cơ sở với các đơn vị khác. Tổ chức các hội thi tìm hiểu về chủ đề lịch sử, văn hóa, xã hội; công tác cai nghiện ma túy, kiến thức pháp luật và các vấn đề khác. Tổ chức hoạt động vui chơi, thể thao sau thời gian lao động trị liệu, học tập vào cuối buổi chiều trong ngày như: Bóng đá, bóng chuyền, đá cầu... Tổ chức các hoạt động văn hóa khác như: đọc sách, báo ...

Căn cứ điều kiện thực tế, Trường cơ sở cai nghiện ma túy quyết định tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các chương trình sinh hoạt tập thể, trò chơi vận động cho người cai nghiện ma túy cho phù hợp, bảo đảm đời sống thể chất, tinh thần của người cai nghiện ma túy.

2. Quản lý các chương trình giáo dục, tư vấn và phục hồi hành vi, nhân cách dành cho người cai nghiện ma túy; theo dõi quá trình tham gia, kết quả học tập, đánh giá và quá trình phục hồi hành vi, nhân cách của người cai nghiện ma túy trên phần mềm quản lý cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 12. Giai đoạn lao động trị liệu, học nghề

1. Nội dung và phương pháp thực hiện:

a) Tổ chức các hoạt động lao động trị liệu nhằm giúp người cai nghiện ma túy cải thiện về sức khỏe thể chất, tâm trí, tăng cường ý thức tổ chức, kỷ luật trong lao động, nâng cao tinh thần tự lập và giúp người cai nghiện ma túy nhận thức được giá trị của lao động, trong đó tập trung thực hiện các nội dung sau:

Tiến hành phân nhóm để tổ chức lao động trị liệu phù hợp với sức khỏe, độ tuổi, giới tính giúp người cai nghiện ma túy hiểu được giá trị của lao động và tìm lại kỹ năng lao động. Cơ sở cai nghiện ma túy bố trí cho người cai nghiện ma túy tham gia lao động trị liệu thông qua trồng trọt, chăn nuôi, chăm sóc vườn cây cảnh, vệ sinh khuôn viên cơ sở cai nghiện ma túy.

Căn cứ vào điều kiện và tình hình thực tế, cơ sở cai nghiện ma túy ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân cung cấp thiết bị, nguyên liệu để sản xuất, gia công những mặt hàng phù hợp với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy theo đúng quy định của pháp luật.

Theo dõi, đánh giá kết quả học tập, lao động trị liệu để mỗi người cai nghiện ma túy đều hưởng thành quả lao động phù hợp với kết quả lao động trị liệu của bản thân. Thời gian lao động trị liệu và kết quả lao động của người cai nghiện ma túy được thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở cai nghiện ma túy:

Căn cứ vào số lượng, sức khỏe, độ tuổi, giới tính, trình độ, thời gian, nguyện vọng của người cai nghiện ma túy, cơ sở cai nghiện ma túy lập danh sách người cai nghiện ma túy tham gia học nghề và liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn để đào tạo các nghề: chăn nuôi, trồng trọt, gôm, mộc, xây dựng, cơ khí, nấu ăn, nghiệp vụ khách sạn, điện, sửa chữa ô tô, xe máy và các nghề khác phù hợp. Thời gian học nghề áp dụng cho người cai nghiện ma túy còn đủ thời gian cai nghiện từ 03 tháng trở lên.

Cơ sở cai nghiện ma túy chủ động phối hợp với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn để tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho người cai nghiện ma túy. Đồng thời, có quy chế phối hợp để các cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp nhận người sau khi hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy vào làm việc;

c) Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cai nghiện ma túy 01 lần/năm. Hồ sơ, quy trình và nội dung khám sức khỏe định kỳ được thực hiện theo quy định của Bộ Y tế; tiếp tục điều trị các bệnh lý kèm theo (nếu có) theo quy trình, phạm vi hoạt động chuyên môn, nếu quá khả năng chuyên môn thì chuyển tuyến theo quy định.

2. Quản lý các chương trình lao động trị liệu, hoạt động lao động và học nghề của người cai nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện ma túy; theo dõi quá trình tham gia, chăm công, đánh giá kết quả lao động trị liệu và kết quả học nghề của người cai nghiện ma túy trên phần mềm quản lý cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 13. Giai đoạn chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng

1. Nội dung và phương pháp thực hiện

a) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện theo các mục tiêu: đánh

giá tình trạng sức khỏe thể chất, tâm thần của người cai nghiện ma túy; đánh giá kết quả giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, học nghề; đánh giá, chuẩn bị tái hòa nhập;

b) Xác định nơi cư trú của người cai nghiện ma túy để chuẩn bị thực hiện biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy; tư vấn các biện pháp phòng, chống tái nghiện cho người cai nghiện ma túy; kỹ năng từ chối sử dụng ma túy khi tái hòa nhập cộng đồng.

Chậm nhất trong 30 ngày trước khi hết thời gian cai nghiện, cơ sở cai nghiện ma túy gửi thông báo cho Công an cấp xã nơi cư trú đối với người có nơi cư trú ổn định hoặc Công an cấp xã nơi người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định đăng ký nơi cư trú sau khi hoàn thành cai nghiện, đại diện gia đình của người cai nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên; cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi biết ngày người cai nghiện hết thời hạn cai nghiện ma túy.

Cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện cho người cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc giấy xác nhận đã chấp hành xong Quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc cho người bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc.

Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định mà không có gia đình đón thì cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm đưa về bàn giao tại gia đình hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện cư trú.

Trường hợp người nghiện ma túy sau khi chấp hành xong biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc ốm yếu không có khả năng lao động, không xác định được nơi cư trú; người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã hoàn thành cai nghiện ma túy mà không rõ cha, mẹ, không có nơi nương tựa hoặc không xác định được nơi cư trú thì Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chức năng hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục chuyển người chấp hành xong biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc vào cơ sở bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật.

Công an cấp xã nơi cư trú của người đã hoàn thành cai nghiện ma túy rà soát, hướng dẫn làm thủ tục cấp các loại giấy tờ cá nhân để người đã hoàn thành cai nghiện có điều kiện thuận lợi tái hòa nhập cộng đồng;

c) Cung cấp thông tin về biện pháp quản lý sau cai nghiện tại cộng đồng và các chính sách hỗ trợ vay vốn để học nghề, tạo việc làm, sản xuất kinh doanh.

Hướng dẫn người đã hoàn thành cai nghiện ma túy đến Công an cấp xã nơi cư trú để trình diện và thực hiện quản lý sau cai nghiện ma túy; chấp hành các quy định trong thời gian bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

Tư vấn các chính sách hỗ trợ hòa nhập cộng đồng của Nhà nước đối với người sau cai nghiện ma túy, các mô hình quản lý, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho người

sau cai nghiện ma túy; giới thiệu, cung cấp thông tin, địa chỉ dịch vụ công tác xã hội, nhóm sinh hoạt cộng đồng tại địa phương cho người sau cai nghiện ma túy;

d) Phổ biến chính sách, pháp luật, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thị trường lao động; tư vấn, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý nhằm trang bị kiến thức cần thiết, nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc của người cai nghiện ma túy, các biện pháp phòng, chống tái nghiện; kỹ năng từ chối sử dụng ma túy khi tái hòa nhập cộng đồng; hướng dẫn, tư vấn, điều trị, dự phòng các bệnh lý (nếu có);

đ) Hướng dẫn người cai nghiện ma túy xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng. Kế hoạch cần xác định mục tiêu, nguyện vọng của người cai nghiện ma túy, hoàn cảnh thực tế, các nguồn lực hỗ trợ, năng lực bản thân của người cai nghiện ma túy, chọn việc làm phù hợp với sức khỏe và kỹ năng lao động của bản thân;

2. Quản lý kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện của người cai nghiện ma túy trước khi rời cơ sở cai nghiện; quản lý thông tin chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ theo dõi quá trình hoàn thành cai nghiện và kết thúc thời gian quản lý tại cơ sở; chia sẻ thông tin với cơ quan chức năng tại địa phương để phục vụ công tác quản lý sau cai trên phần mềm quản lý cơ sở cai nghiện ma túy.

Chương IV

NỘI QUY CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

Điều 14. Quy định người cai nghiện ma túy phải nghiêm chỉnh chấp hành

1. Về hiệu lệnh, thời gian

a) Chấp hành nghiêm chỉnh và tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh, hiệu lệnh, hướng dẫn, chỉ dẫn của cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy;

b) Chấp hành đúng quy định về thời gian học tập, lao động, sinh hoạt, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí;

c) Khi có hiệu lệnh tập hợp, phải nhanh chóng xếp hàng theo tổ và không gây mất trật tự;

d) Chấp hành việc điếm danh khi sinh hoạt tại khu đăng ký thăm gặp, khu y tế và khu lao động.

2. Về lễ tiết

a) Khi giao tiếp, người cai nghiện ma túy phải dùng tiếng Việt (trừ người chưa biết tiếng Việt);

b) Gọi là “cán bộ” xưng “tôi” đối với cán bộ; gọi “quý khách” xưng “tôi” đối với khách đến thăm hoặc làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy. Gọi “anh” hoặc “chị” xưng “tôi” đối với người cai nghiện ma túy khác; ngoài cách xưng hô nêu trên, tùy theo từng lứa tuổi, người cai nghiện ma túy xưng hô với nhau

phù hợp với phong tục, truyền thống văn hóa Việt Nam;

c) Phải “vâng”, “ạ”, “thưa” khi nói chuyện, biết nói lời “cảm ơn”, “xin lỗi” đúng lúc; phải trả lời “có” khi nghe gọi tên mình;

d) Khi gặp cán bộ hoặc khách đến thăm, làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy, người cai nghiện ma túy phải hạ mũ, nón cầm ở tay phải, đứng nghiêm giữ khoảng cách 03 mét và nói “chào cán bộ” hoặc “chào quý khách”; trường hợp đang sinh hoạt theo tổ thì tùy theo trường hợp cụ thể ở khu học tập, lao động, học nghề... tổ trưởng hạ mũ, nón cầm ở tay phải, đứng nghiêm, hô cả tổ đứng nghiêm hoặc ngồi tại chỗ, thay mặt tổ để chào, báo cáo cán bộ hoặc quý khách;

đ) Khi ra vào cổng, nếu đi theo tổ thì đi thành hàng đôi, hạ mũ, nón cầm ở tay phải đối với hàng đi bên phải, cầm ở tay trái đối với hàng đi bên trái; tổ trưởng báo cáo rõ tên tổ, số người của tổ với cán bộ có trách nhiệm.

3. Về trật tự nội vụ

a) Ăn, ngủ đúng giờ, đúng nơi quy định và không gây mất trật tự;

b) Giữ gìn vệ sinh cá nhân; giữ gìn vệ sinh phòng ở và các khu vực khác của cơ sở cai nghiện ma túy; được đem theo đồ dùng sinh hoạt cá nhân cần thiết vào phòng ở theo quy định; đồ dùng sinh hoạt cá nhân phải được gấp, xếp gọn gàng, ngăn nắp để đúng nơi quy định;

c) Người cai nghiện ma túy là nam giới để tóc ngắn gọn gàng, không để râu, ria. Người cai nghiện ma túy là nữ giới để tóc gọn gàng;

d) Thực hiện phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh theo hướng dẫn của cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy.

4. Về trang phục

a) Mặc trang phục được cấp phát chính tề, gọn gàng, sạch sẽ, đi giày hoặc dép trong các trường hợp: Tham gia các lớp học tập, lao động, học nghề; tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, sinh hoạt tập thể; ra, vào cổng, thăm gặp người thân hoặc tiếp xúc với người ngoài; các hoạt động khác của cơ sở cai nghiện ma túy;

b) Giữ quần, áo sạch sẽ, không cho mượn, không được tẩy xóa, sửa chữa, viết, vẽ, in, dán lên quần, áo được cấp.

5. Về học tập, lao động, học nghề, tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí

a) Tích cực, tự giác, chăm chỉ, nghiêm túc tham gia học tập, lao động, học nghề, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí và các hoạt động khác do cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật, an toàn, vệ sinh lao động;

c) Dụng cụ lao động, học nghề khi sử dụng xong phải cất giữ đúng nơi quy định.

6. Về bảo vệ, giữ gìn tài sản

a) Phải có ý thức bảo vệ, giữ gìn tài sản của cơ sở cai nghiện ma túy, tập thể, cá nhân và người khác;

b) Khi hết thời hạn chấp hành quyết định ở cơ sở cai nghiện ma túy, người cai nghiện ma túy phải bàn giao lại cho cơ sở cai nghiện ma túy những dụng cụ, tài sản, trang phục được giao quản lý;

c) Nếu gây thiệt hại về tài sản của cơ sở cai nghiện ma túy hoặc của người khác thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Những hành vi bị nghiêm cấm

Người cai nghiện ma túy được xem là có hành vi bị nghiêm cấm nếu không thuộc trường hợp bị xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự, khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Bỏ trốn; tỏ chức, lời kéo, dụ dỗ, ép buộc, khuyến khích hoặc giúp người cai nghiện ma túy khác bỏ trốn dưới mọi hình thức.

2. Tàng trữ hoặc đưa đồ vật, chất cấm vào cơ sở cai nghiện ma túy quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

3. Tự sát, tự gây thương tích cho bản thân, hủy hoại thân thể hoặc giúp người khác tự sát, tự gây thương tích; quan hệ tình dục và các quan hệ không lành mạnh khác.

4. Gây rối trật tự, đe dọa, đánh đập, xâm hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác; xâm phạm tài sản của cơ sở cai nghiện ma túy.

5. Chống đối, cản trở hoặc không chấp hành mệnh lệnh và sự hướng dẫn của cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy.

6. Sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn, thuốc lá, thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, thuốc Lào, xì gà các loại và các chất kích thích khác.

7. Đánh bạc, tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức.

8. Chống đối, né tránh hoặc cản trở việc học tập, lao động trị liệu, học nghề của bản thân và của người cai nghiện ma túy khác; thuê hoặc ép buộc người khác phục vụ, làm thay công việc của mình hoặc của người cai nghiện ma túy khác dưới mọi hình thức.

9. Khai báo gian dối, sai sự thật, che giấu hành vi vi phạm của mình và của người cai nghiện ma túy khác.

10. Tự ý tiếp xúc với người ngoài.

11. Tự ý rời khỏi vị trí học tập, lao động, học nghề, phòng ở, nơi sinh hoạt.

12. Truyền đạo, cúng lễ, bói toán, tuyên truyền, dụ dỗ, lời kéo, ép buộc người cai nghiện ma túy khác tham gia vào các hoạt động, hành vi mê tín dị đoan; lập hoặc tham gia các hội, nhóm trái phép.

13. Mua, bán, trao đổi, vay, mượn, cho, nhận bất cứ thứ gì giữa người cai

nghiện ma túy với nhau và với người khác (trừ trường hợp được sự đồng ý của cán bộ có trách nhiệm).

14. Tự ý đưa dụng cụ lao động trị liệu, học nghề vào khu vực ăn, ở, sinh hoạt; di dời máy móc, vật tư, nguyên liệu, sản phẩm hoặc tài sản khác khỏi nơi quy định.

15. Tự ý thay đổi chỗ nằm trong phòng ở, tụ tập liên hoan, ăn uống, sử dụng lửa, điện trái phép trong phòng ở, phòng sinh hoạt chung, khu vực lao động trị liệu.

16. Tự ý lưu giữ tại cơ sở cai nghiện ma túy những tài sản, giấy tờ như: Vàng, bạc, đồ trang sức, ngoại tệ, tiền Việt Nam, cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, các loại thẻ thanh toán điện tử, đồng hồ, máy móc, thiết bị, căn cước, hộ chiếu, văn bằng, chứng chỉ, các loại giấy tờ có giá trị khác và quần, áo, tư trang chưa sử dụng.

17. Không tuân thủ điểm danh.

18. Xăm hình, in, dán hình xăm, nhuộm tóc khác màu đen, để móng tay, móng chân dài và sơn màu móng chân, móng tay.

19. Có thái độ, lời nói, hành vi thiếu chuẩn mực khi giao tiếp.

20. Viết, vẽ, treo, dán tranh, ảnh, khắc nhỏ, vứt rác không đúng nơi quy định và các hành vi khác gây mất vệ sinh.

21. Vi phạm các nội quy, quy định khác của cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 16. Quy định về chất cấm, đồ vật cấm đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy

1. Các loại vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Các chất ma túy, tiền chất ma túy, chất hướng thần hoặc có chứa chất ma túy; chất gây mê, chất độc, chất gây ngứa, chất phóng xạ, hóa chất, độc dược; các loại thuốc chữa bệnh, phòng bệnh (trừ trường hợp có chỉ định của cơ quan y tế có thẩm quyền).

3. Chất cháy và các chất, đồ vật dễ cháy khi tiếp xúc với không khí hoặc các đồ vật khác;

4. Rượu, bia, đồ uống có cồn, thuốc lá, thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, thuốc Lào, xì gà các loại và các chất kích thích khác;

5. Các thiết bị dùng để đun nấu, đồ dùng bằng kim loại, sành, sứ, đá, đất nung, thủy tinh, phích nước;

6. Các tài sản có giá trị như tiền, vàng, kim cương, đá quý...; các loại máy ghi âm, máy ghi hình, máy nghe, nhìn, đồng hồ, điện thoại, bộ đàm và các loại máy

thu phát tín hiệu khác (trừ những thiết bị y tế để bảo đảm sức khỏe cho người cai nghiện ma túy theo chỉ định của cơ quan y tế có thẩm quyền);

7. Sách, báo bằng tiếng nước ngoài chưa qua kiểm duyệt; các ấn phẩm về tôn giáo, tín ngưỡng không được phép lưu hành; tranh ảnh, phim, băng, đĩa có nội dung mê tín dị đoan, phản động, đồi trụy, gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, giáo dục người cai nghiện ma túy;

8. Các loại bài lá, các phương tiện, công cụ dùng để đánh bạc dưới mọi hình thức; các đồ vật khác có thể gây mất an toàn cơ sở cai nghiện ma túy, người cai nghiện ma túy có thể dùng để bỏ trốn, gây nguy hại cho bản thân người cai nghiện ma túy và người khác, ảnh hưởng xấu đến vệ sinh môi trường.

Điều 17. Quy trình phát hiện, thu giữ, xử lý chất cấm, đồ vật cấm đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy

1. Phát hiện, thu giữ đồ vật, chất cấm đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy

a) Khi phát hiện việc đưa vào, sử dụng, tàng trữ đồ vật, chất cấm quy định tại Điều 16 của Thông tư này, người có thẩm quyền lập biên bản thu giữ, yêu cầu người vi phạm làm bản tường trình, lấy lời khai của người vi phạm và người chứng kiến (nếu có). Trong biên bản phải xác định rõ số lượng, khối lượng, chủng loại, hình dạng, kích thước, màu sắc, tình trạng và các đặc điểm khác của đồ vật, chất cấm bị thu giữ. Những đồ vật nghi là vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, ma túy thì phải niêm phong có chữ ký của người lập biên bản, người vi phạm hoặc người chứng kiến;

b) Trường hợp không xác định được người vi phạm hoặc người vi phạm không có mặt khi thu giữ đồ vật, chất cấm được đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy thì phải có ít nhất 02 người chứng kiến ký biên bản, niêm phong để xác minh làm rõ và xử lý;

c) Người có thẩm quyền sau khi lập biên bản thu giữ đồ vật, chất cấm phải báo cáo Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy để quản lý và xác minh, xử lý, bảo đảm chặt chẽ, an toàn, đúng quy định;

d) Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản đồ vật, chất cấm hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết; việc giao, nhận đồ vật, chất cấm phải lập biên bản và vào sổ theo dõi.

2. Xử lý đồ vật, chất cấm đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy:

a) Đồ vật, chất cấm khi bị thu giữ thì được xử lý như sau:

Đồ vật, chất cấm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 của Thông tư này thì lập biên bản, chuyển ngay cùng hồ sơ, tài liệu có liên quan cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

Đồ vật, chất cấm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 16 của Thông tư này thì Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy ra quyết định xử lý và tổ chức tiêu hủy;

Đồ vật cầm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 16 của Thông tư này sau khi thu giữ thì chuyển cho bộ phận lưu ký quản lý và trả lại cho người cai nghiện ma túy sau khi họ chấp hành xong thời gian cai nghiện hoặc bàn giao cho thân nhân theo đề nghị của người cai nghiện ma túy;

Đồ vật cầm quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 16 của Thông tư này sau khi thu giữ phải tiến hành kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ trước khi tổ chức tiêu hủy;

b) Các đồ vật, chất cầm có liên quan đến vụ án hình sự thì chuyển giao cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Việc xử lý đồ vật, chất cầm bằng hình thức tiêu hủy thì cơ sở cai nghiện ma túy lập Hội đồng xử lý đồ vật, chất cầm do Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy làm Chủ tịch, Phó Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy làm Phó Chủ tịch, các thành viên gồm cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ chuyên môn, đơn vị trực thuộc có liên quan, người phụ trách y tế, hành chính, kế toán.

Điều 18. Hồ sơ thu giữ, xử lý chất cầm, đồ vật cầm đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy

1. Hồ sơ thu giữ, xử lý đồ vật, chất cầm đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy, gồm:

a) Biên bản thu giữ, niêm phong đồ vật, chất cầm;

b) Biên bản ghi lời khai của người vi phạm và người chứng kiến (nếu có);

c) Bản tường trình của người vi phạm;

d) Báo cáo của người có thẩm quyền thu giữ đồ vật, chất cầm và đề nghị hình thức xử lý;

đ) Biên bản họp Hội đồng xử lý đồ vật, chất cầm; Biên bản họp Hội đồng xử lý kỷ luật người cai nghiện ma túy hoặc kết luận của cơ quan điều tra trong trường hợp hành vi vi phạm không bị xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự;

e) Quyết định thu giữ đồ vật, chất cầm;

g) Quyết định xử lý đồ vật, chất cầm;

h) Quyết định xử lý hành vi vi phạm;

i) Biên bản xử lý đồ vật, chất cầm (biên bản bàn giao, tiêu hủy đồ vật, chất cầm);

k) Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu có liên quan (nếu chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định);

l) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ, tài liệu về thu giữ, xử lý đồ vật, chất cầm và xử lý vi phạm đối với người cai nghiện ma túy phải được lưu trong hồ sơ người cai nghiện ma túy; trường hợp hồ sơ đã chuyển giao cho cơ quan khác để giải quyết theo thẩm quyền thì sao lưu hồ sơ để quản lý, lưu trữ theo quy định.

Chương V**CHẾ ĐỘ CỦA NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY
TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP****Mục I****QUẢN LÝ, ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI KẾT QUẢ HỌC TẬP, CAI NGHIỆN MA TÚY****Điều 19. Quản lý người cai nghiện ma túy****1. Chế độ quản lý**

a) Trên cơ sở kết quả tiếp nhận, phân loại, người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy được phân thành các tổ để quản lý trong toàn bộ thời gian cai nghiện ma túy. Căn cứ điều kiện cơ sở vật chất, số người làm việc và thực tiễn quản lý tại đơn vị để bố trí số lượng người của tổ cho phù hợp. Mỗi tổ phải giao một cán bộ phụ trách chính, chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý, đánh giá kết quả cai nghiện của người cai nghiện ma túy;

b) Cơ sở cai nghiện ma túy trực tiếp quản lý và duy trì thực hiện các chế độ đối với người cai nghiện ma túy. Theo dõi, đánh giá ý thức chấp hành, học tập, rèn luyện của người cai nghiện ma túy để phân loại, xếp loại người cai nghiện ma túy theo tuần, tháng, quý; tổ chức xét xếp loại và khen thưởng, công nhận tiến bộ đối với người cai nghiện ma túy; đề xuất xử lý kỷ luật người cai nghiện ma túy vi phạm theo quy định;

c) Người cai nghiện ma túy phải tuân thủ quy định về chế độ quản lý và các chế độ cai nghiện ma túy, học tập, lao động, vui chơi, giải trí và nghỉ ngơi theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cán bộ quản lý thực hiện việc quản lý, điều hành người cai nghiện ma túy trực tiếp hoặc thông qua hệ thống theo dõi, giám sát trực quan tình hình an ninh, trật tự trong khu vực cơ sở cai nghiện ma túy.

3. Cơ sở cai nghiện ma túy phải lập hồ sơ quản lý người cai nghiện ma túy theo quy định và lưu trữ các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc cai nghiện ma túy, học tập của người cai nghiện ma túy từ thời điểm tiếp nhận đến khi hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy, trở về cộng đồng.

Điều 20. Đánh giá, xếp loại đối với người cai nghiện ma túy

1. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm tổ chức đánh giá, xếp loại kết quả cai nghiện, học tập, rèn luyện đối với người cai nghiện ma túy (sau đây viết gọn là xếp loại) theo định kỳ: tuần, tháng và quý theo 04 mức độ: tốt, khá, trung bình và kém.

2. Thời gian xếp loại được thực hiện kể từ ngày tiếp nhận người cai nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện ma túy đến khi hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy.

Điều 21. Tiêu chí, thang điểm đánh giá kết quả cai nghiện ma túy

1. Việc đánh giá, xếp loại kết quả cai nghiện ma túy được thực hiện theo các tiêu chí và thang điểm như sau:

- a) Việc chấp hành và thực hiện quy trình cai nghiện ma túy: 30 điểm;
- b) Mức độ, thái độ tham gia học tập, lao động trị liệu: 20 điểm;
- c) Chấp hành nội quy của cơ sở cai nghiện ma túy: 50 điểm;
- d) Hành vi vi phạm (hoặc không thực hiện) các tiêu chí quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này: bị trừ 55 điểm.

2. Tiêu chí, thang điểm đánh giá, xếp loại người cai nghiện ma túy được thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 22. Định kỳ xếp loại kết quả cai nghiện ma túy

Căn cứ tiêu chí, thang điểm đánh giá kết quả cai nghiện ma túy quy định tại Điều 21 của Thông tư này, cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm tổ chức đánh giá, xếp loại kết quả cai nghiện ma túy như sau:

1. Xếp loại theo tuần

- a) Loại tốt: Tổng số điểm từ 80 điểm trở lên;
- b) Loại khá: Tổng số điểm từ 65 điểm đến dưới 80 điểm;
- c) Loại trung bình: Tổng số điểm từ 50 điểm đến dưới 65 điểm;
- d) Loại kém: Dưới 50 điểm.

2. Xếp loại theo tháng

- a) Loại tốt: 03 tuần được xếp loại tốt, số tuần còn lại không bị xếp loại trung bình hoặc kém;
- b) Loại khá: 02 tuần được xếp loại khá trở lên, số tuần còn lại không bị xếp loại kém;
- c) Loại trung bình: 03 tuần được xếp loại trung bình;
- d) Loại kém: Không thuộc các loại trên.

3. Xếp loại theo quý

- a) Loại tốt: 02 tháng được xếp loại tốt trở lên, tháng còn lại không bị xếp loại trung bình hoặc kém;
- b) Loại khá: 02 tháng được xếp loại khá trở lên, tháng còn lại không bị xếp loại kém;
- c) Loại trung bình: 02 tháng được xếp loại trung bình;
- d) Loại kém: Không thuộc các loại trên.

Điều 23. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại**1. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại tuần:**

a) Ngày thứ Sáu hằng tuần, cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy được phân công phụ trách tiến hành họp tổ để nhận xét, đánh giá kết quả, xếp loại người cai nghiện ma túy trong tuần theo các quy định tại các Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Thông tư này;

b) Sau khi họp đánh giá, xếp loại, cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy được phân công phụ trách tổ ghi vào Phiếu đánh giá, xếp loại người cai nghiện ma túy theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo công khai cho người cai nghiện ma túy biết;

c) Các cuộc họp nhận xét, đánh giá xếp loại của tổ phải ghi thành biên bản kèm theo Phiếu đánh giá, xếp loại người cai nghiện ma túy.

2. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại tháng (quý):

a) Căn cứ kết quả xếp loại hằng tuần (tháng), ngày 25 hằng tháng và ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý (đối với xếp loại quý), cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy được phân công phụ trách tiến hành họp tổ để nhận xét, đánh giá kết quả, xếp loại người cai nghiện ma túy trong tháng (quý) theo các quy định tại các Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Thông tư này;

b) Sau khi họp đánh giá, xếp loại, cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy được phân công phụ trách tổ lập danh sách đề nghị xếp loại tháng (quý) của người cai nghiện ma túy và chuyển danh sách cho Tổ Tham mưu, tổng hợp để tập hợp;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ, Tổ Tham mưu, tổng hợp báo cáo Trường cơ sở cai nghiện ma túy xếp loại cho người cai nghiện ma túy;

d) Trường hợp người cai nghiện ma túy khiếu nại về việc xếp loại, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại, Trường cơ sở cai nghiện ma túy phải có ý kiến trả lời cho người cai nghiện ma túy.

Mục II**KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY****Điều 24. Đối tượng khen thưởng và hình thức khen thưởng**

1. Khen thưởng đột xuất là hình thức khen thưởng đối với người cai nghiện ma túy có thành tích xuất sắc hoặc lập công.

2. Khen thưởng định kỳ là hình thức khen thưởng đối với người cai nghiện ma túy được đánh giá, xếp loại tốt trong tháng (quý).

Điều 25. Tiêu chuẩn khen thưởng**1. Tiêu chuẩn khen thưởng đột xuất:**

a) Người cai nghiện ma túy lập công cứu người hoặc tài sản của Nhà nước, tập thể hoặc của người khác trong thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, dịch bệnh có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên;

b) Người cai nghiện ma túy cung cấp tin giúp cơ sở phát hiện, ngăn chặn được âm mưu chống phá, bỏ trốn, bắt được người bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện ma túy, ngăn chặn được người cai nghiện ma túy phạm tội, ngăn chặn được hành vi phá hoại và các tin khác có giá trị trong công tác phòng, chống tội phạm; được Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy hoặc Công an cấp tỉnh trở lên xác nhận bằng văn bản, quyết định khen thưởng lập công;

c) Người cai nghiện ma túy cứu được người đang trong tình trạng nguy hiểm hoặc tài sản của Nhà nước, tập thể hoặc của người khác có giá trị từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

2. Tiêu chuẩn khen thưởng định kỳ:

a) Có kết quả xếp loại đạt loại tốt trong tháng (quý);

b) Trong kỳ khen thưởng tháng (quý) không có hành vi vi phạm nội quy; có ý thức tự giác trong việc thực hiện quy trình cai nghiện ma túy;

c) Số lượng người được khen thưởng trong kỳ không quá 15% tổng số người cai nghiện ma túy của tổ.

Điều 26. Chế độ khen thưởng

Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy xem xét, quyết định chế độ đối với người được khen thưởng theo các mức sau:

1. Đối với khen thưởng đột xuất:

a) Biểu dương thành tích trước toàn thể cơ sở cai nghiện ma túy;

b) Điều chỉnh nâng mức xếp loại:

Đối với trường hợp đạt tiêu chuẩn tại điểm a khoản 1 Điều 25 của Thông tư này thì mức xếp loại của 02 tháng trong quý đó được điều chỉnh nâng lên một bậc;

Đối với trường hợp đạt tiêu chuẩn tại điểm b khoản 1 Điều 25 của Thông tư này thì mức xếp loại của quý đó được điều chỉnh nâng lên một bậc;

Đối với trường hợp đạt tiêu chuẩn tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Thông tư này thì mức xếp loại của quý đó được điều chỉnh nâng lên hai bậc; nếu trong quý đó, người cai nghiện ma túy xếp loại khá thì nâng lên xếp loại tốt.

c) Tặng 01 lần thăm gặp trong tháng; 02 lần trong quý hoặc tăng thời gian thăm gặp lên 1,5 lần;

d) Tặng 01 lần liên lạc với thân nhân hoặc tăng thời gian liên lạc lên 1,5 lần;

2. Đối với khen thưởng định kỳ:

a) Biểu dương thành tích trước toàn thể tổ, phân khu quản lý;

b) Tăng 01 lần thăm gặp trong tháng; 02 lần trong quý hoặc tăng thời gian thăm gặp lên 1,5 lần;

c) Tăng 01 lần liên lạc với thân nhân hoặc tăng thời gian liên lạc lên 1,5 lần.

Điều 27. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Trình tự, thủ tục đề nghị khen thưởng:

a) Căn cứ kết quả xếp loại người cai nghiện ma túy (đối với khen thưởng định kỳ) hoặc thành tích (đối với khen thưởng đột xuất), cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ phải tiến hành họp tổ, có biên bản cuộc họp, người được khen thưởng phải viết báo cáo thành tích (đối với khen thưởng đột xuất). Kết thúc cuộc họp, cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ có văn bản đề nghị Tổ Tham mưu, tổng hợp đề xuất Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy xem xét khen thưởng;

b) Đối với khen thưởng định kỳ, đề xuất khen thưởng gửi đồng thời với Phiếu đánh giá, xếp loại hằng tháng (quý). Đối với khen thưởng đột xuất thì chậm nhất sau 03 ngày người cai nghiện ma túy có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 25 của Thông tư này, cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ phải gửi đề nghị khen thưởng cho Tổ Tham mưu, tổng hợp. Trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, Tổ Tham mưu, tổng hợp đề xuất Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy xem xét quyết định;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề xuất của Tổ Tham mưu, tổng hợp, Trưởng cơ sở cai nghiện phải xem xét, quyết định khen thưởng theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Trường hợp người cai nghiện ma túy không được khen thưởng, Trưởng cơ sở cai nghiện phải thông báo rõ lý do cho người cai nghiện ma túy và cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ biết;

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng định kỳ gồm:

a) Đề nghị của cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ;

b) Kết quả xếp loại (tháng, quý) của người được đề nghị khen thưởng;

c) Biên bản họp tổ về đề nghị khen thưởng, trong đó phải bảo đảm tối thiểu 2/3 tổng số người dự họp đồng ý.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất gồm:

a) Đề nghị của cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ;

b) Báo cáo thành tích của người được đề nghị khen thưởng (có xác minh của cơ quan có thẩm quyền);

c) Biên bản họp tổ về đề nghị khen thưởng, trong đó phải bảo đảm tối thiểu 2/3 tổng số người dự họp đồng ý.

Điều 28. Trường hợp bị xử lý kỷ luật

1. Người cai nghiện ma túy đang trong thời gian cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy có hành vi vi phạm quy định tại Điều 15 của Thông tư này thì bị xem xét xử lý kỷ luật.

2. Các hình thức kỷ luật và áp dụng hình thức kỷ luật được thực hiện theo quy định tại Điều 31 và Điều 32 của Thông tư này.

Điều 29. Nguyên tắc xử lý kỷ luật; thời hiệu, thời hạn xem xét kỷ luật; trường hợp không xem xét kỷ luật, miễn trách nhiệm kỷ luật

1. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

a) Việc xử lý kỷ luật phải bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, nghiêm minh, đúng người, đúng hành vi và đúng quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu người cai nghiện ma túy có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận về từng hành vi và áp dụng hình thức kỷ luật cao nhất;

c) Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, nguyên nhân vi phạm, hậu quả đã gây ra; các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, thái độ tiếp thu và sửa chữa, việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm.

2. Thời hiệu, thời hạn xem xét kỷ luật

a) Thời hiệu xử lý kỷ luật là khoảng thời gian mà khi hết thời gian đó thì người cai nghiện ma túy có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy là 30 ngày tính từ thời điểm người đó có hành vi vi phạm; trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Thời hạn xử lý kỷ luật đối với người cai nghiện ma túy là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của Trường cơ sở cai nghiện ma túy. Thời hạn xử lý kỷ luật đối với người cai nghiện ma túy không quá 15 ngày tính từ thời điểm phát hiện người đó có hành vi vi phạm; trường hợp vụ việc có tình tiết phức tạp cần có thời gian kiểm tra, xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 30 ngày.

3. Trường hợp chưa xem xét kỷ luật, miễn trách nhiệm kỷ luật

a) Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật:

Người cai nghiện ma túy đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức; bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại cơ sở y tế có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

Người cai nghiện ma túy đang bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật:

Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi có hành vi vi phạm;

Thực hiện hành vi vi phạm do phòng vệ chính đáng hoặc trong tình thế cấp thiết, do sự kiện bất khả kháng;

Có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã chết.

Điều 30. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hình thức kỷ luật

1. Tình tiết giảm nhẹ

a) Thực hiện hành vi vi phạm lần đầu và do nguyên nhân khách quan;

b) Chủ động khai báo hành vi vi phạm của bản thân và những người cùng vi phạm, tự giác nhận trách nhiệm, khuyết điểm về việc vi phạm; tự giác bồi thường, tích cực khắc phục hậu quả hoặc giúp cơ sở cai nghiện ma túy phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính;

c) Vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần.

2. Tình tiết tăng nặng

a) Thực hiện hành vi vi phạm có tổ chức, là người tổ chức, chủ mưu, khởi xướng thực hiện hành vi vi phạm;

b) Thực hiện hành vi vi phạm nhiều lần;

c) Đã được giáo dục, nhắc nhở, chấn chỉnh nhưng không sửa chữa khuyết điểm mà còn vi phạm;

d) Thực hiện hành vi vi phạm đối với nhiều người;

đ) Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người khác thực hiện hành vi vi phạm;

e) Che giấu vi phạm, báo cáo sai sự thật, không tự giác nhận khuyết điểm hoặc có thái độ, hành vi đối phó, chống đối, không viết bản kiểm, không tham gia họp kiểm điểm mà không có lý do chính đáng.

Điều 31. Hình thức kỷ luật

1. Người cai nghiện ma túy vi phạm các quy định tại Điều 15 của Thông tư này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật bằng một trong các hình thức kỷ luật chính:

a) Phê bình;

b) Cảnh cáo;

c) Đưa vào quản lý tại khu dành riêng cho người vi phạm kỷ luật trong thời gian tối đa 07 ngày. Trong thời gian này, người cai nghiện ma túy không được thăm gặp, liên lạc với thân nhân.

2. Thời gian chấp hành quyết định kỷ luật không quá 30 ngày kể từ ngày ra quyết định. Trường hợp trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật mà người đang thi hành quyết định kỷ luật có vi phạm mới đến mức phải kỷ luật thì thời gian chấp hành quyết định kỷ luật được tính từ ngày ra quyết định xử lý kỷ luật mới.

3. Người cai nghiện ma túy ngoài việc bị áp dụng hình thức kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này thì bị hạn chế số lần thăm gặp thân nhân:

a) Đối với hình thức phê bình thì không được thăm gặp thân nhân trong tuần liền kể từ ngày có quyết định kỷ luật;

b) Đối với hình thức cảnh cáo thì không được thăm gặp thân nhân trong 02 tuần liền kể từ ngày có quyết định kỷ luật;

c) Đối với hình thức đưa vào khu quản lý riêng thì không được thăm gặp thân nhân trong 04 tuần liền kể từ ngày có quyết định kỷ luật.

4. Người cai nghiện ma túy nếu gây thiệt hại về tài sản của cơ quan nhà nước, của tập thể hoặc cá nhân, gây tổn hại đến sức khỏe của người khác thì phải bồi thường hoặc chịu hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Áp dụng hình thức kỷ luật

1. Hình thức kỷ luật phê bình áp dụng đối với trường hợp:

a) Vi phạm các quy định tại khoản 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 và 21 Điều 15 của Thông tư này;

b) Vi phạm đến mức phải xử lý bằng hình thức cảnh cáo nhưng có một trong các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 30 của Thông tư này.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo được áp dụng đối với trường hợp:

a) Vi phạm các quy định tại khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 15 của Thông tư này;

b) Đã bị áp dụng hình thức phê bình nhưng vẫn tiếp tục vi phạm;

c) Vi phạm đến mức xử lý bằng hình thức phê bình nhưng có một trong các tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều 30 của Thông tư này.

3. Hình thức kỷ luật đưa vào quản lý tại khu dành riêng được áp dụng đối với trường hợp:

a) Vi phạm các quy định tại khoản 1 và 4 Điều 15 của Thông tư này;

b) Đã bị áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo nhưng tiếp tục vi phạm;

c) Vi phạm đến mức xử lý bằng hình thức cảnh cáo nhưng có một trong các tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều 30 của Thông tư này.

Điều 33. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị kỷ luật

1. Trình tự, thủ tục đề nghị kỷ luật

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm, cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ lập biên bản vi phạm theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong thời hạn 02 ngày, cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ yêu cầu người vi phạm viết bản kiểm điểm và chủ trì tổ chức họp tổ để xem xét hành vi, tính chất, mức độ vi phạm, đề xuất hình thức xử lý vi phạm gửi Tổ Tham mưu, tổng hợp. Việc họp xem xét, đề xuất hình thức xử lý kỷ luật phải được lập thành biên bản, lưu trong hồ sơ quản lý của người cai nghiện ma túy;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị xử lý kỷ luật, Tổ Tham mưu, tổng hợp đề xuất Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy quyết định kỷ luật theo quy định;

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề xuất của Tổ Tham mưu, tổng hợp, Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy phải xem xét, quyết định kỷ luật đối với người cai nghiện ma túy theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Trường hợp không xử lý kỷ luật, Trưởng cơ sở cai nghiện phải thông báo rõ lý do cho người cai nghiện ma túy, cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ biết;

e) Quyết định kỷ luật phải được lưu trong hồ sơ quản lý người cai nghiện ma túy.

2. Hồ sơ đề nghị kỷ luật gồm:

a) Biên bản vi phạm, Bản tự kiểm điểm của người cai nghiện ma túy có hành vi vi phạm;

b) Biên bản họp tổ về đề nghị kỷ luật người cai nghiện ma túy, trong đó phải bảo đảm tối thiểu 2/3 tổng số người dự họp đồng ý;

c) Đề nghị của cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ về việc xử lý kỷ luật;

d) Đề xuất của Tổ Tham mưu, tổng hợp về việc xử lý kỷ luật.

Mục III

QUY ĐỊNH NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY THĂM, GẶP THÂN NHÂN ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN KHÁC

Điều 34. Chế độ thăm gặp thân nhân của người cai nghiện ma túy

1. Người cai nghiện ma túy được thăm gặp thân nhân tại phòng thăm gặp của cơ sở cai nghiện ma túy, mỗi tuần một lần, mỗi lần không quá 45 phút và tối

đa không quá 03 thân nhân. Người cai nghiện ma túy có thể được kéo dài thời gian gặp thân nhân và phải được Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy đồng ý; thời gian gặp tăng thêm tối đa không quá 15 phút.

Trường hợp người cai nghiện ma túy được áp dụng chế độ khen thưởng quy định tại Điều 26 của Thông tư này thì đề xuất Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy để tăng thời gian thăm gặp theo quy định.

Trường hợp người thân của người cai nghiện ma túy chưa nắm được quy định về thời gian thăm gặp hoặc do nguyên nhân khách quan khác (điều kiện đi lại, thiên tai hoặc lý do khách quan khác) đến thăm gặp không đúng thời gian quy định hoặc trường hợp đặc biệt khác thì Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy xem xét, quyết định.

2. Người cai nghiện ma túy không được thăm gặp thân nhân trong các trường hợp sau:

- a) Thời gian vào cơ sở ít hơn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận;
- b) Đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc trong thời gian bị thi hành kỷ luật tại cơ sở cai nghiện ma túy được quy định tại khoản 3 Điều 31 của Thông tư này.

3. Người cai nghiện ma túy đang bị điều tra, truy tố, xét xử về hành vi phạm tội mà cơ quan đang thụ lý vụ án có văn bản đề nghị cơ sở không cho người cai nghiện ma túy gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hoặc yêu cầu cơ sở cai nghiện ma túy phối hợp để giám sát chế độ thăm gặp thì Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy xem xét thực hiện theo đề nghị của cơ quan đang thụ lý vụ án và giải thích rõ cho người đến thăm gặp người cai nghiện ma túy biết.

4. Căn cứ tình hình thực tiễn của cơ sở cai nghiện ma túy, Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức việc thăm gặp thân nhân của người cai nghiện ma túy cho phù hợp; thông báo công khai lịch thăm gặp hằng tuần, tháng đối với người cai nghiện và thân nhân của người cai nghiện ma túy.

Địa điểm thăm gặp thuận tiện cho việc quản lý, giám sát người cai nghiện ma túy và tổ chức cho người cai nghiện ma túy gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác. Khu thăm gặp người cai nghiện ma túy phải được trang bị vách ngăn, các phương tiện, thiết bị, dụng cụ cần thiết phục vụ cho yêu cầu gặp người cai nghiện ma túy và sinh hoạt của người đến thăm gặp.

Điều 35. Đối tượng được thăm gặp người cai nghiện ma túy

1. Thân nhân được gặp người cai nghiện ma túy gồm:

- a) Cụ nội, cụ ngoại; ông, bà nội; ông, bà ngoại;
- b) Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (hoặc chồng); bố, mẹ nuôi hợp pháp;
- c) Vợ (hoặc chồng); con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi hợp pháp;

d) Anh, chị, em ruột, dâu, rể; anh, chị, em vợ (hoặc chồng);

đ) Cô, dì, chú, bác, cậu, cháu ruột.

2. Số thân nhân được thăm gặp người cai nghiện ma túy mỗi lần tối đa không quá 03 người. Trường hợp đặc biệt, Trường cơ sở cai nghiện ma túy có thể quyết định tăng số lượng thân nhân được gặp người cai nghiện ma túy nhưng không quá 05 người và phải bảo đảm việc thăm gặp không làm ảnh hưởng đến an ninh, an toàn cơ sở cai nghiện ma túy.

3. Trường hợp đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác đề nghị được gặp người cai nghiện ma túy thì Trường cơ sở cai nghiện ma túy xem xét, giải quyết nếu xét thấy phù hợp với quyền, lợi ích hợp pháp của người cai nghiện ma túy cũng như yêu cầu quản lý, giáo dục, hỗ trợ phục hồi của người cai nghiện ma túy.

Điều 36. Quy định về việc thăm gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác

1. Người cai nghiện ma túy được gặp thân nhân trực tiếp tại cơ sở cai nghiện ma túy.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy phát hành Sổ theo dõi thăm gặp và gửi tiền lưu ký theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Khi thăm gặp cán bộ phụ trách có trách nhiệm hướng dẫn người cai nghiện ma túy hoặc người thân của người cai nghiện ma túy ghi chép, hoàn thiện các thông tin trong sổ; đóng dấu giáp lai vào sổ; trình Trường cơ sở cai nghiện ma túy ký tên, đóng dấu.

3. Thân nhân đến thăm gặp người cai nghiện ma túy phải là người có tên trong Sổ theo dõi thăm gặp. Trường hợp thăm gặp lần đầu chưa có sổ hoặc không có tên trong sổ thì phải chứng minh là thân nhân người cai nghiện ma túy được phép thăm gặp bằng một trong các loại giấy tờ, tài liệu sau:

a) Xác thực bằng Ứng dụng định danh quốc gia (VN eID);

b) Căn cước, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

c) Giấy tờ có giá trị chứng minh nhân thân và quan hệ với người cai nghiện.

4. Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác khi đến gặp người cai nghiện ma túy phải có văn bản đề nghị (đối với cá nhân, văn bản đề nghị phải được cơ quan nơi đang làm việc, học tập hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận) và phải có một trong các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp người đến thăm gặp người cai nghiện ma túy không có giấy tờ cá nhân thì phải có đơn đề nghị và được Trường cơ sở cai nghiện ma túy xem xét, cho phép thăm gặp.

Điều 37. Trách nhiệm của người cai nghiện ma túy

1. Người đang cai nghiện ma túy khi gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác theo quy định, phải mặc quần, áo của cơ sở cai nghiện

ma túy cấp, bảo đảm gọn gàng, sạch sẽ; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy cơ sở cai nghiện ma túy và tuân theo sự hướng dẫn của người có thẩm quyền trong việc tổ chức cho người cai nghiện ma túy gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Khi giao tiếp người cai nghiện ma túy phải sử dụng tiếng Việt. Trường hợp là người dân tộc thiểu số hoặc người nước ngoài không biết tiếng Việt thì phải qua phiên dịch hoặc có người có thẩm quyền biết tiếng dân tộc hoặc tiếng nước đó giám sát. Người bị hạn chế về khả năng nghe, nói được sử dụng ngôn ngữ ký hiệu hoặc người phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu hoặc thiết bị hỗ trợ cho việc giao tiếp nhưng phải được người có trách nhiệm kiểm tra trước khi sử dụng.

Điều 38. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi đến thăm gặp, làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy

1. Khi đến thăm gặp tại cơ sở cai nghiện ma túy

a) Phải chấp hành nghiêm quy định của pháp luật, nội quy cơ sở cai nghiện ma túy, mặc trang phục gọn gàng, sạch sẽ, lịch sự (không mặc quần đùi, váy ngắn, trang phục phản cảm); xuất trình đầy đủ giấy tờ đề nghị thăm gặp; chấp hành nghiêm nội quy khu thăm gặp và hướng dẫn của cán bộ có trách nhiệm; tuân thủ nghiêm chỉnh về thời gian, địa điểm tổ chức thăm gặp, giữ gìn vệ sinh chung. Khi hết giờ thăm gặp, không được tự ý ở lại cơ sở cai nghiện ma túy;

b) Nghiêm cấm ghi âm, ghi hình tại nơi có biển cấm quay phim, chụp ảnh trong cơ sở cai nghiện ma túy; sử dụng hoặc tự ý đưa cho người cai nghiện ma túy sử dụng các thiết bị thông tin, liên lạc, ghi âm, ghi hình, các đồ vật thuộc danh mục đồ vật cấm, các loại ấn phẩm, tài liệu có nội dung kích động, chống đối hoặc những đồ vật có thể gây mất an ninh, an toàn;

c) Không có thái độ, cử chỉ, lời nói, hành vi thiếu chuẩn mực, gây gổ, xúc phạm uy tín, danh dự đối với cán bộ hoặc người khác; lợi dụng thăm gặp để lôi kéo, tụ tập, có lời nói, hành động hoặc dùng băng rôn, khẩu hiệu, tài liệu có nội dung tuyên truyền, hành động gây mất an ninh, trật tự;

d) Các trường hợp vi phạm nội quy của cơ sở cai nghiện ma túy thì tùy vào tính chất của hành vi vi phạm, Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy xem xét, quyết định tạm dừng việc giải quyết thăm gặp và xử lý vi phạm theo quy định.

2. Khi đến làm việc, phối hợp tổ chức các hoạt động tại cơ sở cai nghiện ma túy

a) Phải sử dụng trang phục theo quy định hoặc mặc trang phục gọn gàng, sạch sẽ, lịch sự; xuất trình đầy đủ giấy tờ theo quy định để xác định là người có thẩm quyền, trách nhiệm đến làm việc;

b) Chấp hành nội quy cơ sở cai nghiện ma túy và thực hiện theo hướng dẫn của cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy;

c) Khi cơ quan, tổ chức, cá nhân muốn hỗ trợ, ủng hộ vật chất cho người cai nghiện ma túy, cơ sở cai nghiện ma túy phải được sự đồng ý của Trưởng cơ

sở cai nghiện ma túy. Không được cho hoặc cho người cai nghiện ma túy vay, mượn tiền, tài sản; không đưa đồ vật, chất cấm quy định tại Điều 16 Thông tư này vào cơ sở cai nghiện ma túy;

d) Không tự ý: tiếp xúc với người cai nghiện ma túy; vào khu vực quản lý, học tập, lao động trị liệu, học nghề hoặc khu vực khác của cơ sở cai nghiện ma túy; tiếp nhận hoặc chuyển tiền, tài liệu, đơn, thư, các loại đồ vật cho người cai nghiện ma túy;

đ) Không tự ý đưa cho người cai nghiện ma túy sử dụng các thiết bị thông tin, liên lạc, ghi âm, ghi hình. Việc sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc, quay phim, chụp ảnh, ghi âm, ghi hình, phỏng vấn tại cơ sở cai nghiện ma túy phải được sự đồng ý của Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy và thực hiện theo quy định của pháp luật, của Bộ Công an;

e) Các trường hợp vi phạm quy định khi đến làm việc, phối hợp tổ chức các hoạt động thì tùy vào tính chất của hành vi vi phạm, Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy xem xét, quyết định tạm dừng làm việc, phối hợp tổ chức các hoạt động tại cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 39. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng làm nhiệm vụ tổ chức cho người cai nghiện ma túy thăm gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác

1. Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy hoặc Phó Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy (phụ trách phân khu) giao Tổ Quản lý người cai nghiện ma túy và giáo dục, dạy nghề phối hợp với Tổ Tham mưu, tổng hợp tổ chức thăm gặp theo quy định.

2. Người làm nhiệm vụ tổ chức thăm gặp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ của thân nhân người cai nghiện ma túy; lập danh sách người cai nghiện ma túy được gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác vào sổ theo dõi thăm gặp và gửi tiền lưu ký cho người cai nghiện ma túy theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, báo cáo Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy hoặc Phó Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy (phụ trách phân khu) duyệt trước khi tổ chức cho người cai nghiện ma túy thăm gặp. Trường hợp người cai nghiện ma túy được kéo dài thời gian gặp thân nhân phải xem xét, giám sát thận trọng, chặt chẽ, không làm ảnh hưởng đến an ninh, an toàn cơ sở cai nghiện ma túy;

b) Kiểm soát đồ vật do thân nhân người đang cai nghiện ma túy mang theo hoặc gửi trước khi thăm gặp. Trường hợp phát hiện đồ vật cấm thì dừng việc thăm gặp người cai nghiện ma túy và xử lý theo quy định của pháp luật hoặc nội quy của cơ sở cai nghiện ma túy về việc thu giữ, xử lý đồ vật, chất thuộc danh mục cấm;

c) Lập biên bản và thông báo cho người đến thăm gặp người cai nghiện ma túy biết đối với trường hợp người cai nghiện ma túy từ chối gặp, từ chối nhận tiền lưu ký;

d) Quản lý, giám sát người cai nghiện ma túy từ khi tiếp nhận đề nghị thăm gặp đến khi kết thúc cuộc gặp;

đ) Trường hợp có nhiều thân nhân đến gặp người cai nghiện ma túy thì phải báo cáo, đề xuất chỉ huy cơ sở cai nghiện ma túy tăng cường lực lượng để phối hợp trong việc tổ chức thăm gặp người cai nghiện ma túy theo đúng quy định và quản lý, giám sát chặt chẽ, bảo đảm an toàn và giữ gìn an ninh trật tự của cơ sở cai nghiện ma túy;

e) Cập nhật đầy đủ thông tin về quá trình tổ chức cho thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác thăm gặp người cai nghiện ma túy; quản lý, lưu trữ tài liệu theo đúng chế độ quản lý hồ sơ theo quy định; kịp thời báo cáo Trường cơ sở cai nghiện những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thăm gặp.

3. Không được cho người cai nghiện ma túy hoặc người khác nhận giấy tờ, làm thủ tục cho người cai nghiện ma túy gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác; không được có thái độ, hành vi tiêu cực, gây phiền hà, sách nhiễu trong việc tổ chức cho người cai nghiện ma túy thăm gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác; không được tự ý giải quyết cho người cai nghiện ma túy thăm gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc nhận, gửi thư, nhận tiền ngoài khu vực, địa điểm bố trí thăm gặp; không được tự ý nhận, chuyển thư, tiền cho người cai nghiện ma túy; không được thu bất kỳ khoản tiền nào hoặc nhận bất cứ đồ vật, vật chất gì khi giải quyết cho người cai nghiện ma túy gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác.

Mục IV

QUY ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ TIỀN, ĐỒ LƯU KÝ VÀ NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY NHẬN TIỀN LƯU KÝ; NHẬN, GỬI THƯ; LIÊN LẠC VỚI THÂN NHÂN

Điều 40. Quy định quản lý tiền mặt và đồ lưu ký

1. Người cai nghiện ma túy khi được tiếp nhận hoặc trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện ma túy mà có tài sản, giấy tờ như vàng, bạc, ngoại tệ, tiền Việt Nam, cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, các loại thẻ ngân hàng, đồng hồ, đồ trang sức có giá trị, các loại máy móc, thiết bị, căn cước, căn cước công dân, hộ chiếu, văn bằng, chứng chỉ, các loại giấy tờ có giá trị khác hoặc quần áo, tư trang chưa sử dụng thì phải được lập biên bản, niêm phong gửi lưu ký để cơ sở cai nghiện ma túy quản lý. Người cai nghiện ma túy được nhận lại những đồ vật, tài sản, giấy tờ nêu trên khi chấp hành xong thời gian cai nghiện. Riêng tiền Việt Nam (tiền mặt) thì gửi lưu ký để người cai nghiện ma túy sử dụng trong thời gian cai nghiện ma túy. Trường hợp phát hiện đồ lưu ký là đồ vật, chất cấm thì xử lý theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này.

2. Trường hợp người cai nghiện ma túy có nhu cầu được chuyển đồ dùng, tư trang, tài sản, giấy tờ có giá trị tại khoản 1 Điều này cho thân nhân, người đại diện

theo pháp luật thì cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm lập biên bản bàn giao trực tiếp cho thân nhân, người đại diện theo pháp luật hoặc gửi qua đường bưu chính (cước phí do người cai nghiện ma túy hoặc thân nhân chi trả).

3. Người cai nghiện ma túy có tiền mặt, đồ gửi lưu ký khi chuyển đến cơ sở cai nghiện ma túy khác hoặc cơ sở quản lý khác thì cơ sở cai nghiện ma túy nơi người cai nghiện ma túy chuyển đi có trách nhiệm chuyển giao lưu ký này cho cơ sở tiếp nhận người cai nghiện ma túy quản lý theo quy định. Việc giao, nhận được lập thành biên bản, có chữ ký của bên giao, bên nhận và người cai nghiện ma túy.

4. Trường hợp người cai nghiện ma túy chết trong quá trình cai nghiện thì cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm lập biên bản bàn giao cho thân nhân, người đại diện theo pháp luật số tiền lưu ký còn lại, đồ vật gửi lưu ký và tài sản cá nhân khác hoặc đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Biên bản nhận hoặc trả tiền, đồ lưu ký phải mô tả đúng thực trạng mệnh giá, số lượng, khối lượng, chủng loại, hình dạng, kích thước, màu sắc và các đặc điểm khác của tiền mặt, đồ gửi lưu ký.

6. Việc quản lý lưu ký được thực hiện trên hệ thống quản lý lưu ký phục vụ việc chuyển tiền từ thân nhân người cai nghiện vào lưu ký của người cai nghiện ma túy thông qua phần mềm quản lý lưu ký, kết nối với tài khoản ngân hàng của cơ sở cai nghiện.

Điều 41. Quy định về việc người cai nghiện ma túy nhận và sử dụng tiền lưu ký

1. Người cai nghiện ma túy được nhận tiền của thân nhân gửi khi gặp trực tiếp, qua tài khoản ngân hàng của cơ sở cai nghiện ma túy. Việc gửi tiền không quá 02 lần trong 01 tháng và mỗi tháng tối đa được nhận không quá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm hướng dẫn người cai nghiện ma túy thông báo cho thân nhân về địa chỉ, số tài khoản ngân hàng của cơ sở cai nghiện ma túy nơi người đó đang cai nghiện ma túy để thân nhân gửi tiền. Trường hợp người cai nghiện ma túy từ chối nhận tiền gửi qua tài khoản ngân hàng thì cơ sở cai nghiện ma túy phải lập biên bản về việc người cai nghiện ma túy từ chối nhận tiền. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm hoàn tiền qua tài khoản ngân hàng cho người gửi (cước phí hoàn tiền do người gửi tiền chi trả).

2. Người đến thăm gặp, gửi tiền mặt cho người cai nghiện ma túy thì người phụ trách thăm gặp có trách nhiệm kiểm tra, nhận và cùng người gửi tiền ký nhận vào Sổ theo dõi thăm gặp và gửi tiền lưu ký. Cuối ngày làm việc, người phụ trách thăm gặp phải bàn giao tiền lưu ký về bộ phận tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy, đồng thời thông báo cho người phụ trách lưu ký và người phụ trách căng tin biết, ghi số tiền này vào sổ để theo dõi.

3. Thân nhân gửi tiền cho người cai nghiện ma túy qua đường bưu chính thì Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy cử người đến bưu điện nhận, sau đó bàn giao số tiền này cho bộ phận tài chính của Tổ Tham mưu, tổng hợp quản lý; nếu gửi vào tài khoản

của cơ sở cai nghiện ma túy thì bộ phận tài chính của Tổ Tham mưu, tổng hợp quản lý và thông báo cho người phụ trách lưu ký. Người phụ trách lưu ký có trách nhiệm thông báo ngay cho người cai nghiện ma túy và người phụ trách căng tin biết để ghi sổ tiền này vào sổ theo dõi.

4. Căn cứ điều kiện cụ thể, các cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức hoạt động căng tin để bán lương thực, thực phẩm và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cho người cai nghiện ma túy. Giá bán lương thực, thực phẩm và các loại hàng hóa phải được Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy duyệt sau khi trừ chi phí hợp lý, nhưng không được cao hơn giá bán lẻ tại địa phương đối với hàng hóa cùng loại.

Nếu cơ sở cai nghiện ma túy không có điều kiện tổ chức căng tin, hằng tuần phải tập hợp nhu cầu, nguyện vọng mua hàng hóa của người cai nghiện ma túy để phối hợp với các đơn vị cung ứng mua hàng hóa cho người cai nghiện ma túy nhưng không được cao hơn giá bán lẻ tại địa phương đối với hàng hóa cùng loại.

5. Tiền thưởng, kết quả lao động từ hoạt động lao động trị liệu được chuyển vào lưu ký của người cai nghiện ma túy. Tiền lưu ký được sử dụng để người cai nghiện ma túy mua hàng hóa thiết yếu tại căng tin, liên lạc với thân nhân, gửi về cho thân nhân hoặc nhận lại khi chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy.

6. Việc sử dụng tiền lưu ký để mua hàng hóa được thực hiện bằng hình thức mua qua sổ, mỗi lần mua thì người cai nghiện ma túy phải ký xác nhận về việc mua hàng hóa vào sổ.

7. Việc sử dụng tiền trong căng tin được thực hiện qua hệ thống bán hàng căng tin trong cơ sở cai nghiện ma túy, bảo đảm minh bạch, thuận tiện trong quản lý giao dịch.

8. Người cai nghiện ma túy đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hình thức xử lý kỷ luật, Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy có thể hạn chế việc nhận tiền trong một thời gian nhưng không quá 01 tháng hoặc hạn chế việc mua hàng hóa tại căng tin nhưng không quá 10 ngày. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm thông báo việc hạn chế nhận tiền cho người cai nghiện ma túy và thân nhân biết và thông báo việc hạn chế mua hàng hóa tại căng tin cho người cai nghiện ma túy biết để thực hiện.

Điều 42. Quy định về việc người cai nghiện ma túy nhận, gửi thư

1. Người cai nghiện ma túy được nhận, gửi thư qua dịch vụ bưu chính và khi gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác theo quy định. Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy phải chỉ đạo kiểm tra, kiểm duyệt thư người cai nghiện ma túy gửi (hoặc nhận), nếu xét thấy nội dung không phù hợp với công tác quản lý, giáo dục, cai nghiện thì lập biên bản thu giữ.

2. Người cai nghiện ma túy đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hình thức xử lý kỷ luật, Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy có thể hạn chế việc người cai nghiện ma túy nhận, gửi thư

nhưng không quá 01 tháng. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm thông báo việc hạn chế nhận, gửi thư cho người cai nghiện ma túy và thân nhân biết để thực hiện.

3. Người cai nghiện ma túy đang bị điều tra, truy tố, xét xử về hành vi phạm tội khác mà cơ quan đang thụ lý vụ án có văn bản đề nghị cơ sở cai nghiện ma túy không giải quyết cho người cai nghiện ma túy nhận, gửi thư thì Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy thực hiện theo đề nghị của cơ quan đang thụ lý vụ án và thông báo cho người cai nghiện ma túy và thân nhân biết để thực hiện.

Điều 43. Quy định về việc người cai nghiện ma túy liên lạc với thân nhân

1. Cơ sở cai nghiện ma túy lắp đặt máy điện thoại cố định có dây hoặc không dây, phương tiện điện tử kết nối hình ảnh, âm thanh và tổ chức cho người cai nghiện ma túy liên lạc với thân nhân theo quy định. Cuộc phí gọi điện thoại được tính theo giá của cơ quan bưu chính viễn thông và do người cai nghiện ma túy chi trả từ tiền lưu ký.

2. Người cai nghiện được liên lạc bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với thân nhân ở trong nước, có sự giám sát của cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy công lập và tự chịu chi phí mỗi tháng không quá 04 lần, mỗi lần không quá 15 phút. Trường hợp người cai nghiện có nhu cầu trao đổi với thân nhân để giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của người cai nghiện hoặc vì công tác giáo dục thì Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy quyết định cho tăng thêm số lần, thời gian liên lạc với thân nhân, số lần tăng thêm không quá 02 lần/tháng và thời gian liên lạc tăng thêm không quá 30 phút. Trước khi liên lạc với thân nhân, người cai nghiện phải đăng ký nội dung cuộc gọi theo quy định của cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường hợp cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy phát hiện nội dung liên lạc không đúng với nội dung người cai nghiện đã đăng ký thì cán bộ giám sát dừng việc liên lạc.

Trường hợp người cai nghiện ma túy được áp dụng chế độ khen thưởng được quy định tại Điều 26 của Thông tư này thì đề xuất Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy xem xét tăng thời gian gọi điện theo quy định.

Trường hợp cấp bách, căn cứ nội dung đơn trình bày của người cai nghiện ma túy, cán bộ quản lý người cai nghiện ma túy phụ trách tổ có thể đề xuất Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy xem xét, giải quyết tăng thêm số lần, thời gian người cai nghiện ma túy trao đổi điện thoại với thân nhân.

3. Khi liên lạc bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với thân nhân, người cai nghiện ma túy phải liên lạc với đúng số điện thoại và nội dung đã đăng ký tại Sổ theo dõi người cai nghiện ma túy liên lạc với thân nhân bằng điện thoại theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; phải sử dụng tiếng Việt. Trường hợp người cai nghiện ma túy là người dân tộc thiểu số hoặc người cai nghiện ma túy là người nước ngoài không biết tiếng Việt thì phải có người biết tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài đó giám sát.

4. Người cai nghiện ma túy đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hình thức xử lý kỷ luật, Trường cơ sở cai nghiện ma túy có thể hạn chế việc liên lạc bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với thân nhân nhưng không quá 01 tháng. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm thông báo việc hạn chế liên lạc cho người cai nghiện ma túy và thân nhân biết để thực hiện.

5. Người cai nghiện ma túy đang bị điều tra, truy tố, xét xử về hành vi phạm tội khác thì không được liên lạc với thân nhân. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm thông báo việc người cai nghiện ma túy không được liên lạc với thân nhân cho người cai nghiện ma túy và thân nhân biết để thực hiện.

6. Cơ sở cai nghiện ma túy bố trí địa điểm để người cai nghiện ma túy gọi điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với thân nhân và cử người giám sát chặt chẽ nội dung trao đổi của người cai nghiện ma túy với thân nhân trong quá trình liên lạc. Nếu phát hiện nội dung trao đổi không đúng với đăng ký thì phải dừng cuộc gọi, trường hợp xét thấy cần thiết phải lập biên bản, đề xuất xử lý kỷ luật.

7. Người giám sát phải có Sổ theo dõi người cai nghiện ma túy liên lạc với thân nhân bằng; ghi chép cụ thể, rõ ràng số lần, thời gian, nội dung trao đổi.

Mục V

LAO ĐỘNG, HỌC NGHỀ CHO NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 44. Lao động, học nghề cho người cai nghiện ma túy

Trong thời gian cai nghiện ma túy, người cai nghiện ma túy có nghĩa vụ phải tham gia các hoạt động lao động trị liệu nhằm giúp cải thiện sức khỏe thể chất, tâm trí, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần tự lập trong lao động trị liệu và giúp người cai nghiện ma túy nhận thức được giá trị của lao động.

Trường cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm bố trí cho người cai nghiện ma túy lao động phù hợp với độ tuổi, sức khỏe, giới tính, trình độ, nguyện vọng của người cai nghiện ma túy và đáp ứng yêu cầu quản lý. Người cai nghiện ma túy lao động trị liệu, học nghề phải có sự giám sát, quản lý của cơ sở cai nghiện ma túy. Thời gian lao động trị liệu thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Xây dựng kế hoạch tổ chức lao động trị liệu, học nghề đối với cơ sở cai nghiện ma túy

1. Căn cứ vào số lượng, sức khỏe, độ tuổi, giới tính, trình độ, nguyện vọng của người cai nghiện ma túy và điều kiện đất đai, tài nguyên, các ngành nghề, khả năng phối hợp với doanh nghiệp, cá nhân, trang thiết bị, phương tiện, vật tư, nguồn vốn mà cơ sở cai nghiện ma túy quản lý, hằng năm Trường cơ sở cai nghiện ma túy lập kế hoạch tổ chức lao động trị liệu, học nghề của cơ sở cai nghiện ma túy cho năm tiếp theo trước ngày 15 tháng 10 và gửi về Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

2. Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch tổ chức lao động trị liệu, học nghề năm tiếp theo của cơ sở cai nghiện ma túy trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo kế hoạch do cơ sở cai nghiện ma túy gửi.

Điều 46. Thực hiện kế hoạch tổ chức lao động trị liệu, học nghề hằng năm của cơ sở cai nghiện ma túy

1. Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt, Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức cho người cai nghiện ma túy tham gia lao động, học nghề và khuyến khích người cai nghiện ma túy tích cực tham gia lao động, học nghề, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động để hoàn thành kế hoạch tổ chức lao động được giao.

2. Trong quá trình thực hiện kế hoạch tổ chức lao động của cơ sở cai nghiện ma túy, nếu có những tình huống, vấn đề bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh mà cơ sở cai nghiện ma túy không thể hoàn thành theo kế hoạch đã được phê duyệt thì Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy phải gửi văn bản về Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy để báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh kế hoạch.

Chương VI

TRANG PHỤC CỦA LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG, NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

Điều 47. Tiêu chuẩn, niên hạn cấp phát và kiểu dáng, màu sắc trang phục của lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Tiêu chuẩn, niên hạn cấp phát trang phục của lao động hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.

Đối với lao động hợp đồng làm việc tại Tổ Y tế của cơ sở cai nghiện ma túy công lập, khi thực hiện nhiệm vụ khám, điều trị cho người cai nghiện thì sử dụng trang phục theo quy định của Bộ Y tế.

2. Kiểu dáng, màu sắc trang phục của lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 48. Nguyên tắc cấp phát, sử dụng trang phục của lao động hợp đồng

1. Việc cấp phát, sử dụng trang phục phải đúng tiêu chuẩn, mục đích, đúng đối tượng, đúng niên hạn theo quy định. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập phải mở sổ theo dõi quản lý việc cấp phát, sử dụng trang phục của lao động hợp đồng bảo đảm chính xác, đúng quy định.

2. Lao động hợp đồng được cấp trang phục để sử dụng khi thi hành nhiệm vụ; có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản trang phục theo quy định. Trường hợp trang phục đã được cấp bị hư hỏng hoặc mất do nguyên nhân khách quan thì được cấp bổ sung. Trường hợp trang phục đã được cấp bị hư hỏng hoặc mất không do nguyên nhân khách quan thì cá nhân phải tự may sắm bảo đảm yêu cầu trang phục theo quy định tại Thông tư này để sử dụng.

3. Đối với các trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, chuyển công tác khác mà trang phục được cấp chưa hết niên hạn thì không phải thu hồi; nếu đã hết niên hạn mà chưa được cấp phát thì không được cấp phát. Đối với các trường hợp bị buộc thôi việc và nghỉ việc thì phải thu hồi biên tên, trang phục đã được cấp trước khi nghỉ việc.

Điều 49. Tiêu chuẩn, niên hạn cấp phát và kiểu dáng, màu sắc trang phục của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Tiêu chuẩn, số lượng, niên hạn cấp phát trang phục của người cai nghiện ma túy theo quy định tại khoản 2 Điều 113 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.

Người cai nghiện ma túy tham gia lao động trị liệu, học nghề đối với những công việc mà pháp luật quy định phải có bảo hộ lao động thì phát thêm bộ quần áo, đồ bảo hộ lao động, học nghề.

2. Kiểu dáng, màu sắc trang phục của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 50. Nguyên tắc cấp phát, sử dụng trang phục của người cai nghiện ma túy

1. Người cai nghiện ma túy phải sử dụng trang phục được cấp phát trong toàn bộ thời gian cai nghiện tại cơ sở; có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản trang phục theo quy định và trả lại toàn bộ trang phục được cấp khi hết thời gian cai nghiện tại cơ sở.

2. Trường hợp trang phục đã được cấp bị hư hỏng hoặc mất do nguyên nhân khách quan thì được cấp bổ sung. Trường hợp trang phục đã được cấp bị hư hỏng hoặc mất không do nguyên nhân khách quan thì người cai nghiện phải đền bù số tiền tương ứng theo quy định.

3. Trang phục của người cai nghiện ma túy được thu hồi thì cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức tiêu hủy.

4. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập phải mở sổ theo dõi quản lý việc cấp phát, sử dụng trang phục của người cai nghiện ma túy theo quy định của Thông tư này.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 51. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 29/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thành lập, giải thể; tổ chức hoạt động, khung danh mục vị trí việc làm và định mức số người làm việc; nội quy, quy chế; mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành quản học viên; trang phục của viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập;

b) Quyết định số 1565/QĐ-BCA ngày 08 tháng 3 năm 2025 của Bộ Công an ban hành Quy trình cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập;

c) Quyết định số 1567/QĐ-BCA ngày 08 tháng 3 năm 2025 ban hành Quy định về nội quy của cơ sở cai nghiện ma túy; quản lý, đánh giá kết quả học tập, cai nghiện; khen thưởng, kỷ luật; chế độ thăm gặp người thân, nhận gửi thư, nhận tiền; chế độ lao động, học nghề của người cai nghiện ma túy.

Điều 52. Quy định chuyển tiếp

1. Cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng trong cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng đã được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận kiến thức chuyên môn trong công tác cai nghiện ma túy trước khi Thông tư này có hiệu lực thì không phải tham gia đào tạo, tập huấn cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận kiến thức chuyên môn trong công tác cai nghiện ma túy theo quy định của Thông tư này.

2. Đối với cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng chưa đáp ứng về trình độ đào tạo theo điều kiện, tiêu chuẩn về nhân sự làm việc trong cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng nhưng còn thời gian công tác dưới 05 năm:

a) Trường hợp cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn thì cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng báo cáo Công an cấp tỉnh, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng để bố trí, sắp xếp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng để đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng không có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này thì cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng báo cáo Công an cấp tỉnh, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng tạo điều kiện để cán bộ làm việc đến hết thời gian theo quy định.

3. Đối với cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng chưa đáp ứng về trình độ đào tạo theo điều kiện, tiêu chuẩn ở vị trí chỉ huy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; quản lý người cai nghiện ma túy và quản lý giáo dục, dạy nghề; cán bộ, nhân viên y tế, còn thời gian công tác trên 05 năm:

a) Cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng tổng hợp nhu cầu theo đăng ký của cán bộ trong biên chế, lao động hợp đồng, báo cáo Công an cấp tỉnh, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng đi đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng theo điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng không có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này thì cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng báo cáo Công an cấp tỉnh, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng bố trí, sắp xếp, chuyển vị trí công việc phù hợp theo quy định.

4. Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, điều hành cơ sở cai nghiện ma túy công lập quy định tại Điều 5 của Thông tư này được thực hiện sau khi các cơ sở cai nghiện ma túy công lập bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Điều 53. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 54. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

a) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Công an ban hành định mức tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm trang phục của lao động hợp đồng; tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm trang phục và đồ dùng sinh hoạt cho người cai nghiện ma túy;

b) Xây dựng Quy trình chuyên môn, nội vụ tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập;

c) Xây dựng Khung chương trình, biên soạn tài liệu tập huấn, hướng dẫn, cập nhật kiến thức, công nghệ về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

d) Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

đ) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn Công an địa phương thực hiện Thông tư;

e) Định kỳ, đột xuất kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Thông tư.

2. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng

a) Tổ chức kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực về cai nghiện ma túy cho người làm việc tại trường giáo dưỡng;

b) Chỉ đạo trường giáo dưỡng thực hiện quy trình cai nghiện ma túy cho người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

3. Các học viện, trường Công an nhân dân

a) Nghiên cứu, xây dựng các tài liệu, bài giảng chuyên môn trong công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy theo khung chương trình do Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy ban hành;

b) Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn trong công tác cai nghiện ma túy.

4. Trách nhiệm của Giám đốc Công an cấp tỉnh

a) Hằng năm, rà soát cơ cấu tổ chức, khung danh mục vị trí việc làm và định mức số người làm việc của cơ sở cai nghiện ma túy công lập để điều chỉnh, bổ sung, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực về cai nghiện ma túy;

c) Chỉ đạo cơ sở cai nghiện ma túy công lập thực hiện nội quy, quy chế, quy trình cai nghiện ma túy.

5. Trách nhiệm của Trưởng cơ sở cai nghiện ma túy công lập, Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng

a) Phổ biến, quán triệt Thông tư tới toàn thể cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng và người cai nghiện ma túy;

b) Căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu quản lý, điều hành của đơn vị để tổ chức xây dựng, ban hành quy trình cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; nội quy, quy chế tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Bộ Công an;

c) Thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy, quy trình cai nghiện ma túy; quản lý chặt chẽ người cai nghiện ma túy, người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy và người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc;

d) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương trong việc quản lý người cai nghiện ma túy, người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy và người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc; bảo đảm an ninh trật tự tại cơ sở và phòng, chống thất lạc ma túy vào cơ sở cai nghiện, trường giáo dưỡng;

đ) Phát hiện, đấu tranh, ngăn ngừa những hành vi vi phạm pháp luật và nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng nghiêm túc xử lý hoặc báo cáo người có thẩm quyền để xử lý.

e) Tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy, người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy và người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bảo đảm bí mật cá nhân của người cai nghiện ma túy; chỉ cung cấp thông tin liên quan cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

g) Nghiêm cấm hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống, cai nghiện ma túy và pháp luật khác liên quan.

6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Công an đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy) để được hướng dẫn, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Các trường, học viện trong Công an nhân dân;
- Công TTĐT Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C04 (P6).



Đại tướng Lương Tam Quang

Phụ lục I

CÁC MẪU VĂN BẢN THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BCA ngày 05 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an

Mẫu số	Nội dung biểu mẫu
Mẫu số 01	Hồ sơ quản lý người cai nghiện ma túy tự nguyện
Mẫu số 02	Mẫu bệnh án cai nghiện ma túy
Mẫu số 03	Phiếu đánh giá, xếp loại người cai nghiện ma túy
Mẫu số 04	Quyết định khen thưởng người cai nghiện ma túy
Mẫu số 05	Biên bản về hành vi vi phạm của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy
Mẫu số 06	Quyết định kỷ luật người cai nghiện ma túy
Mẫu số 07	Sổ theo dõi thăm gặp và gửi tiền lưu ký
Mẫu số 08	Sổ theo dõi người cai nghiện ma túy liên lạc với người thân nhân

CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ....
PHÒNG CSĐTTP VỀ MA TÚY
CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MA TÚY¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ

QUẢN LÝ NGƯỜI CẢI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN

Cơ sở cai nghiện ma túy:

Họ và tên (viết in hoa): Giới tính:

Tên gọi khác (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CC/CCCD/ CMND /Hộ chiếu:

Nơi thường trú:

Mã số người cai nghiện: xxx²/XXXX³/CNTN⁴

Số hồ sơ: xxxx⁵

¹ Tên cơ sở cai nghiện ma túy;

² Số thứ tự người cai nghiện ma túy tính theo năm tiếp nhận (VD: 2286, 287...);

³ Năm tiếp nhận (VD: 2025, 2026...);

⁴ Viết tắt hình thức cai nghiện tự nguyện (CNTN);

⁵ Số hồ sơ lưu trữ (đánh số tự nhiên theo năm lưu trữ);

DANH MỤC HỒ SƠ

1. Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện;
2. Biên bản giao, nhận người cai nghiện ma túy;
3. Lý lịch của người đăng ký đi cai nghiện ma túy;
4. Đơn xin đi cai nghiện tự nguyện của người nghiện ma túy;
5. Bản sao xác nhận tình trạng nghiện ma túy của cơ sở y tế có thẩm quyền (hoặc giấy xác nhận đang điều trị của cơ sở điều trị nghiện bằng thuốc thay thế);
6. Bản sao một trong các loại giấy tờ tùy thân của người nghiện ma túy (căn cước; căn cước công dân, hộ chiếu, tài khoản định danh VNeID);
7. Văn bản của Trường Công an cấp xã đề nghị xem xét đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy công lập;
8. Phiếu khám sức khoẻ ban đầu của người cai nghiện ma túy;
9. Kế hoạch cai nghiện ma túy;
10. Phiếu đánh giá, xếp loại cai nghiện hàng tuần, tháng, quý;
11. Các quyết định khen thưởng, kỷ luật và các tài liệu liên quan đến khen thưởng, kỷ luật người cai nghiện ma túy (nếu có);
12. Các giấy tờ khác liên quan đến quá trình cai nghiện ma túy (nếu có): Quyết định truy tìm; tạm đình chỉ, cho phép về chịu tang...;
13. Kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng;
14. Giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện;
15. Các giấy tờ khác có liên quan đến người cai nghiện ma túy.

LƯU Ý: Người phụ trách lưu trữ hồ sơ ghi đầy đủ các nội dung ở Bìa hồ sơ; rà soát, đánh số và cập nhật, lưu đúng thứ tự từng thành phần hồ sơ theo danh mục trên.

CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TUÝ ...

BỆNH ÁN

TỔ Y TẾ

ĐIỀU TRỊ CẮT CON NGHIỆN MA TUÝ

A. HÀNH CHÍNH:

1. Họ và tên (Chữ in hoa) Nam Nữ
2. Sinh ngày Tuổi
3. Nghề nghiệp: 4. Dân tộc
5. Địa chỉ: Số nhàthôn, phố
6. Nơi làm việc:
7. Thuộc diện: a) Bắt buộc b) Tự nguyện c) GD-CD
- Diện khác:
8. Họ, tên, địa chỉ người nhà khi cần báo tin:
..... điện thoại
9. Đến cai nghiện hồi giờ ngày tháng năm

B. BỆNH ÁN:

I. LÝ DO CAI NGHIỆN:

- a) Theo quyết định của TAND b) Tự nguyện c) khác

II. HỎI BỆNH:

1. Quá trình sử dụng ma túy:

- Sử dụng ma túy lần đầu tiên: tháng năm
- Lý do sử dụng ma túy:
- Trong những ngày gần đây:
- + Có sử dụng hàng ngày không: a) Có b) Không
- + Sử dụng mấy lần: lần/ngày
- + Mỗi lần sử dụng bao nhiêu (ghi số: ml, bi, viên, tép, chi...)
- + Nếu không sử dụng có chịu được không: a) Chịu được b) Không chịu được
- Đã dùng những loại ma túy nào:
- Đã sử dụng bằng những cách nào?
- a) Hút b) Hít c) Nuốt d) Tiêm, chích e) Cách khác
- Sử dụng ma túy lần gần đây nhất vào lúc giờ/ phút ngàytháng..... năm

2. Số lần cai nghiện:

- Lần này là lần cai thứ mấy
- Cai lần thứ **nhất** tại, Thời gian cai được bao lâu
bằng phương pháp nào (ATK, cai vo, ...)
- Lý do tái nghiện:
- Cai lần thứ **2** tại, Thời gian cai được bao lâu
bằng phương pháp nào (ATK, cai vo, ...)

Lý do tái nghiện:

- Cai lần thứ 3 tại, Thời gian cai được bao lâu
bằng phương pháp nào (ATK, cai vo, ...)

Lý do tái nghiện:

- Cai lần thứ 4 tại, Thời gian cai được bao lâu
bằng phương pháp nào (ATK, cai vo, ...)

Lý do tái nghiện:

- Cai lần thứ 5 tại, Thời gian cai được bao lâu
bằng phương pháp nào (ATK, cai vo, ...)

Lý do tái nghiện:

3. Các bệnh kèm theo (tên bệnh, mức độ):

.....
.....
.....
.....

4. Đặc điểm liên quan:

- Có thường xuyên sử dụng: a) rượu b) thuốc lá

- Có cơ địa dị ứng:

5. Trong gia đình còn ai nghiện ma túy nữa (ghi rõ: cha, mẹ, anh, chị, em...)

III. KHÁM BỆNH:

1. Toàn thân (da, niêm mạc, hệ thống hạch, tuyến giáp)

.....
.....
.....
.....

Mạch: lần/phút

Huyết áp:/..... mHg

Nhiệt độ: °C

Cân nặng: Kg

Nhịp thở lần/phút

2. Các cơ quan:

- Hô hấp:

.....

- Tuần hoàn:

.....

- Tiêu hoá:

- Thận- tiết niệu, sinh dục:

.....

- Mắt

3. Tâm thần:

- Biểu hiện chung (Tinh táo, lẫn lộn, bực dọc, trầm cảm, ...):

- Biểu hiện khác:

4. Xét nghiệm ma túy trong nước tiểu (TEST nhanh)

5. Tóm tắt bệnh án:

IV. CHẨN ĐOÁN KHI VÀO CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MA TÚY:

- NGHIỆN MA TÚY LOẠI:

- CÁC BỆNH KÈM THEO

V. HƯỚNG ĐIỀU TRỊ:

Ngày tháng năm

Y, Bác sĩ làm bệnh án
(Ký, ghi rõ họ tên)

C. TỔNG KẾT BỆNH ÁN

1. Diễn biến lâm sàng của hội chứng cai và các bệnh phối hợp:

.....

.....

.....

.....

2. Phương pháp điều trị:

.....

.....

.....

.....

3. Kết quả xét nghiệm ma túy sau điều trị:

4. Tình trạng sau điều trị (Tâm thần, thể trạng):

.....

.....

.....

.....

4.1. Ra giờ ngày tháng năm

4.2. Tổng số ngày điều trị

4.3. Kết quả điều trị hội chứng cai:

- Hết

- Giảm

- Chuyển đến

- Tử vong

- Tử vong hồi giờ phút ngày tháng năm

* Do bệnh

* Do tai biến điều trị

* Do sóc ma túy

* Khác

- Nguyên nhân tử vong:

5. Hướng điều trị tiếp theo:

.....
.....
.....

Ngày.... tháng năm

Tổ trưởng Tổ y tế

(Ký ghi rõ họ tên)

Y, Bác sĩ điều trị

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ....
PHÒNG CSĐTTP VỀ MA TÚY
CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MA TÚY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NGƯỜI CẢI NGHIỆN MA TÚY

1. Họ và tên (*viết in hoa*): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

2. Tò:

3. Ngày vào cơ sở cai nghiện:/...../.....;

4. Hình thức cai nghiện:

TT	Xếp loại tuần			Xếp loại tháng		Xếp loại quý		Hình thức khen thưởng, kỷ luật		Xác nhận của người cai nghiện ma túy	
	Tuần	Số điểm	Xếp loại	Tháng	Xếp loại	Quý	Xếp loại	Khen thưởng	Kỷ luật		
1	Tuần thứ 1			1		Quý					
2	Tuần thứ 2										
3	Tuần thứ 3										
4	Tuần thứ 4										
5	Tuần thứ 5			2							
6	Tuần thứ 6										
7	Tuần thứ 7										
8	Tuần thứ 8										
9	Tuần thứ 9			3							
10	Tuần thứ 10										
11	Tuần thứ 11										
12	Tuần thứ 12										
13		QII					

..... ngày tháng năm.....

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH TÒ
(Ký, ghi rõ họ, tên)

CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ....
PHÒNG CSĐTTP VỀ MA TÚY
CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CSCNMT , ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Khen thưởng đối với người cai nghiện ma túy

TRƯỞNG CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

Căn cứ Thông tư số: /2026/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khung danh mục vị trí việc làm, điều kiện nhân sự, quy trình cai nghiện ma túy và chế độ của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; trang phục của lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập;

Căn cứ kết quả cai nghiện, học tập, lao động trị liệu của người cai nghiện ma túy (Hồ sơ đề nghị khen thưởng kèm theo);

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ Tham mưu, tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khen thưởng bằng hình thức: Đối với:

Họ và tên:; Sinh ngày/...../.....

Thuộc Tổ:

Đã có thành tích:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) và Ông (bà) có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HSQL.

TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...
PHÒNG CSĐTTP VỀ MA TÚY
CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-CSCNMT

....., ngày tháng ... năm

BIÊN BẢN VI PHẠM

Về hành vi vi phạm của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy

Hôm nay, hồi.... giờ.... phút, ngày.../.../....., tại

Căn cứ Thông tư số: /2026/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khung danh mục vị trí việc làm, điều kiện nhân sự, quy trình cai nghiện ma túy và chế độ của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; trang phục của lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập;

Căn cứ nội quy, quy chế của Cơ sở cai nghiện ma túy

I. Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên: Chức vụ:

2. Với sự chứng kiến của:

a) Họ và tên:..... Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện nay:.....

II Tiến hành lập biên bản về hành vi vi phạm của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy với các nội dung sau:

1. Họ và tên: Giới tính:

- Ngày, tháng, năm sinh:.../.../..... Quốc tịch:

- Thuộc tổ.....

2. Đã có các hành vi vi phạm:

(1)

(2)

quy định tại nội quy của Cơ sở cai nghiện ma túy

3. Ý kiến của người vi phạm:.....

4. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có):.....

5. Tang vật, phương tiện vi phạm:

6. Các biện pháp phòng ngừa được áp dụng, gồm:.....

.....

Biên bản lập xong hồi.... giờ.... phút, ngày...../...../....., gồm..... tờ, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây.

NGƯỜI VI PHẠM
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...
PHÒNG CSĐTTP VỀ MA TÚY
CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CSCNMT , ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Kỷ luật đối với người cai nghiện ma túy

TRƯỞNG CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

Căn cứ Thông tư số: /2026/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khung danh mục vị trí việc làm, điều kiện nhân sự, quy trình cai nghiện ma túy và chế độ của người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; trang phục của lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập;

Căn cứ hành vi, mức độ vi phạm của người cai nghiện ma túy (Hồ sơ đề nghị kỷ luật kèm theo);

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ Tham mưu, tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thi hành kỷ luật bằng hình thức: Đối với:

Họ và tên:; Sinh ngày/...../.....

Thuộc tổ:

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) và Ông (bà) có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HSQL.

TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG AN TỈNH ...
PHÒNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VỀ MA TUÝ
CƠ SỞ CẠI NGHIỆN MA TUÝ...

**SỔ THEO DÕI
THĂM, GẶP VÀ GỬI TIỀN LƯU KÝ**

Họ và tên (viết in hoa):.....

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ hiện tại:

Ngày vào Cơ sở:

Hình thức cai nghiện:.....

....., *năm*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI
THĂM, GẶP VÀ GỬI TIỀN LƯU KÝ

Họ và tên người đứng tên chủ sổ:.....
.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ hiện tại:

Quan hệ với người cai nghiện ma túy:

Số sổ:...../CSCNMT

..... ngày tháng ... năm

Điện thoại CSCNMT:.....

TRƯỞNG CƠ SỞ
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Người đứng tên chủ sổ đăng ký thăm gặp có thể là người cai nghiện ma túy hoặc người thân do người cai nghiện ma túy đề nghị.

CÔNG AN TỈNH ...
PHÒNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VỀ MA TÚY
CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MA TÚY...

SỔ THEO DÕI
NGƯỜI CẢI NGHIỆN MA TÚY
LIÊN LẠC VỚI THÂN NHÂN

....., *năm*

Phụ lục II

THỜI GIAN BIỂU HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY CỦA NGƯỜI CẢI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BCA ngày 05 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an

TT	Thời gian biểu mùa đông	Thời gian biểu mùa hè	Nội dung công việc
1	05h30'	05h15'	Báo thức buổi sáng
2	05h30' – 06h30'	05h15' – 06h00'	Thở dục buổi sáng, vệ sinh cá nhân
3	06h30' – 07h00'	06h00' – 06h30'	Ăn sáng
4	07h00' – 07h30'	06h30' – 07h00'	Chuẩn bị công tác học tập, lao động trị liệu
5	07h30' – 11h30'	07h00' – 11h00'	Học tập, lao động trị liệu
6	11h30' – 12h00'	11h00' – 11h30'	Ăn trưa
7	12h00' – 13h15'	11h30' – 13h15'	Nghỉ trưa
8	13h15'	13h15'	Báo thức buổi chiều
9	13h15' – 13h30'	13h15' – 13h30'	Chuẩn bị công tác học tập, lao động trị liệu
10	13h30' – 16h30'	13h30' – 16h30'	Học tập, lao động trị liệu
11	16h30' – 17h30'	16h30' – 17h30'	Nghỉ ngơi, thể dục, thể thao
12	17h30' – 18h30'	17h30' – 18h30'	Vệ sinh cá nhân, ăn chiều
13	18h30' – 21h00'	18h30' – 21h00'	Xem thời sự, các hoạt động giải trí trên tivi, sinh hoạt theo lịch
14	21h00'	21h00'	Điểm danh
15	21h30'	21h30'	Đi ngủ

Phụ lục III

TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BCA ngày 05 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

TT	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
I	THỰC HIỆN QUY TRÌNH CAI NGHIỆN	
1	Nhận thức rõ tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, có thái độ tích cực trong thời gian cai nghiện.	10
2	Thực hiện đúng, đủ quy trình, thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện.	10
3	Tích cực, tự giác trong học tập chuyên đề, học nghề, các hoạt động giáo dục ngoại khóa theo quy định.	10
II	THAM GIA LAO ĐỘNG TRỊ LIỆU	
4	Tham gia đầy đủ 100% thời gian lao động trị liệu; lao động trị liệu có chất lượng, hiệu quả, hoàn thành 100% định mức công việc.	10
5	Thực hiện nghiêm túc kỷ luật, an toàn, vệ sinh lao động, có tinh thần giúp đỡ người cai nghiện khác trong công việc.	10
III	CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ CỦA CƠ SỞ	
6	Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện, các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy, chấp hành sự phân công của người có thẩm quyền.	10
7	Trung thực khai báo, tố giác hành vi vi phạm của người cai nghiện ma túy khác.	10
8	Tích cực ngăn chặn, đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, thái độ, hành vi sai phạm của người cai nghiện ma túy khác.	10
9	Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc nếp sống kỷ luật, trật tự, văn minh, giao tiếp, ứng xử văn hóa trong cơ sở cai nghiện.	10
10	Tích cực, chủ động tham gia và có thành tích tiêu biểu trong các phong trào thi đua do cơ sở phát động; giúp đỡ người cai nghiện ma túy khác cùng tiến bộ.	10
IV	HÀNH VI VI PHẠM	
11	Có hành vi vi phạm (hoặc không thực hiện) 1 trong 3 tiêu chí quy định tại Mục I.	-20
12	Có hành vi vi phạm (hoặc không thực hiện) 1 trong 2 tiêu chí quy định tại Mục II.	-15
13	Có hành vi vi phạm (hoặc không thực hiện) 1 trong 5 tiêu chí quy định tại Mục III.	-20

Phụ lục IV**MẪU TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG
TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BCA ngày 05 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

Điều 1. Trang phục nam**1. Áo xuân hè ngắn tay**

a) Kiểu dáng: áo sơ mi kiểu cổ bẻ. Thân trước ngực may hai túi ốp ngoài. Ngực một hàng sáu chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Tay ngắn, cửa tay may lật ra ngoài (theo mẫu số 01 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

2. Áo xuân hè dài tay

a) Kiểu dáng: áo sơ mi kiểu cổ bẻ. Thân trước ngực may hai túi ốp ngoài. Ngực một hàng sáu chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Tay dài may măng séc, thếp tay có cài cúc (theo mẫu số 02 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

3. Áo sơ mi dài tay

a) Kiểu dáng: áo sơ mi kiểu cổ bẻ. Thân trước bên trái may một túi ốp ngoài. Ngực một hàng sáu chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Tay dài may măng séc, thếp tay có cài cúc (theo mẫu số 03 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

4. Áo thu đông

a) Kiểu dáng: Áo kiểu veston, cổ bẻ hình chữ K. Ngực một hàng bốn chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Thân trước may bốn túi ốp ngoài (hai túi ngực, hai túi dưới). Thân sau may chắp sống lưng, có xẻ sống. Toàn bộ cổ áo, nẹp áo, nắp túi, thân áo được dựng bằng mex. Lót toàn bộ áo (theo mẫu số 04 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

5. Quần thu đông, quần xuân hè

a) Kiểu dáng: Quần âu, kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo. Cửa quần may khóa kéo bằng nhựa. Cạp quần may sáu đĩa, đầu cạp may quai nhê có cài cúc nhựa. Thân sau mỗi bên bỏ một túi viền, có hai túi hậu cài cúc nhựa (theo mẫu số 01 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

6. Áo khoác ngoài mùa đông

a) Kiểu dáng: áo gồm năm lớp, cổ bẻ hình chữ K, thắt đai lưng khóa nhựa cùng màu vải, lớp lót chân bông được gắn với vỏ ngoài bằng khóa kéo. Thân trước ngực may hai túi ngực ốp ngoài. Phía dưới thân trước bỏ hai túi coi chéo, nẹp có một hàng năm chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Bên trong có khóa kéo, bên ngoài có nẹp che khóa. Thân sau may cầu vai rời, sườn may đĩa luôn đai lưng (theo mẫu số 05 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

7. Giày da

a) Kiểu dáng: Giày được làm từ da Box calf, kiểu Oxford, mũi giày tron. Đế được làm bằng cao su đúc định hình, gót cao 4 cm, có lõi nhựa. Dây buộc bằng sợi Polyester dệt kiểu ống có lõi (theo mẫu số 06 Phụ lục này).

b) Màu sắc: đen.

Điều 2. Trang phục nữ

1. Áo xuân hè ngắn tay

a) Kiểu dáng: áo sơ mi chiết ly kiểu cổ bẻ. Thân trước may hai túi dưới ốp ngoài. Ngực một hàng bốn chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Tay ngắn kiểu bán mang, cửa tay may lật ra ngoài. May bọc vòng nách (theo mẫu số 07 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

2. Áo xuân hè dài tay

a) Kiểu dáng: áo sơ mi chiết ly kiểu cổ bẻ. Thân trước may hai túi dưới ốp ngoài. Ngực một hàng bốn chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Tay dài may măng séc, thép tay có cài cúc. May bọc vòng nách (theo mẫu số 08 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

3. Áo sơ mi dài tay

a) Kiểu dáng: áo sơ mi kiểu cổ bẻ. Áo thiết kế eo. Thân trước bên trái may một túi ốp. Ngực một hàng năm chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Tay dài may măng séc, thép tay có cài cúc (theo mẫu số 09 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

4. Áo thu đông

a) Kiểu dáng: Áo kiểu veston, cổ bẻ hình chữ K. Ngực một hàng bốn chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Thân trước phía dưới may hai túi ốp ngoài. Thân sau may chắp sống lưng, có xẻ sống. Toàn bộ cổ áo, nẹp áo, nắp túi, thân áo được dựng bằng mex. Lót toàn bộ thân áo (theo mẫu số 10 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

5. Quần thu đông, quần xuân hè

a) Kiểu dáng: Quần âu, kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo. Cửa quần may khóa kéo bằng nhựa. Cạp quần may sáu đĩa, đầu cạp may quai nhê có cài cúc nhựa. Thân sau mỗi bên bỏ một túi viền (theo mẫu số 07 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

6. Áo khoác ngoài mùa đông

a) Kiểu dáng: áo gồm năm lớp, cổ bẻ hình chữ K, thắt đai lưng khóa nhựa cùng màu vải, lớp lót chần bông được gắn với vỏ ngoài bằng khóa kéo. Áo thiết kế eo. Thân trước phía dưới có hai túi cơi chéo, nẹp có một hàng năm chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Bên trong có khóa kéo, bên ngoài có nẹp che khóa. Thân sau may cầu vai rời, sườn may đĩa luôn đai lưng (theo mẫu số 11 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

7. Giày da

a) Kiểu dáng: Giày được làm từ da Box calf, kiểu Oxford, mũi giày tron. Đế được làm bằng cao su đúc định hình, gót cao 5 cm, có lõi nhựa. Dây buộc bằng sợi Polyester dệt kiểu ống có lõi (theo mẫu số 12 Phụ lục này).

b) Màu sắc: đen.

Điều 3. Trang phục khác được trang bị chung cho cả nam và nữ

1. Biển tên

a) Kiểu dáng:

- Biển tên được làm bằng đồng tấm, mặt phủ sơn màu xanh rêu đậm, xung quanh có đường viền màu vàng. Chiều dài 82 mm, chiều rộng 22 mm. Bên trái có biểu tượng tròn đỏ sao vàng, bánh xe lịch sử, viền 2 cạnh ô liu vàng. Phần bên phải có 02 dòng chữ: dòng trên cùng là tên cơ sở cai nghiện ma túy (cỡ chữ 10 in hoa đậm), dòng thứ 02 là họ tên người sử dụng (cỡ chữ 14 in thường đậm). Các chữ trong biển hiệu sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman - Unicode, màu vàng (theo Mẫu số 13 Phụ lục này).

- Kim cài bằng hợp kim không gỉ.

- Biển tên được cài phía trên túi áo ngực bên trái.

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

2. Mũ Kêpi và sao mũ

2.1. Mũ Kêpi

a) Kiểu dáng: theo Mẫu số 14 Phụ lục này

- Mũ kêpi phong tròn, mặt cao, vành cong, đỉnh và cầu cùng vải, phong lồng ống nhựa có thanh thép. Trán dựng mút xóp gắn sao mũ, mỗi bên 02 ô để thoát khí. Lưỡi trai nhựa bọc nhung đen gắn vành trắng, trên có dây tết vàng đậm đính cúc kim loại màu trắng.

- Dây trang trí: lõi bằng sợi peco, màu vàng sẫm, bọc lõi bằng sợi kim tuyến.

- Dựng cầu chống trán: bằng nhựa nguyên chất, màu trắng.

- Lưỡi trai: bằng nhựa bọc nhung viền giả da, màu đen.

b) Màu sắc: xanh rêu đậm

2.2. Sao mũ, vành mũ kêpi, cúc mũ kêpi

a) Kiểu dáng: theo Mẫu số 15 Phụ lục này

- Sao mũ: Nguyên liệu đồng vàng tấm dày 0,8 mm; chân cúc: bu lông và ê cu bằng đồng M4. Sơn men kính màu đỏ đen. Nền giữa 02 vành khăn sơn màu xanh; bánh xe lịch sử sơn màu vàng.

- Vành mũ kêpi: Nguyên liệu đồng vàng tấm dày 0,8 mm; hàn 04 chân gài bằng đồng đỏ đường kính 0,8 mm, dài 15 mm

- Cúc mũ kêpi: Nguyên liệu đồng vàng tấm dày 0,6 mm; hàn chân gài bằng đồng đỏ đường kính 0,8 mm, dài 15 mm

b) Màu sắc: màu trắng bóng.

3. Dây lưng

a) Kiểu dáng:

Dây lưng được làm bằng da kíp măng, cuối dây bo tròn, mặt trong phía cuối dây có rãnh hãm khóa. Thân khóa bằng kim loại đúc gắn với dây bằng khóa chốt, trung tâm mặt khóa có ngôi sao vàng lớn (theo mẫu số 16 Phụ lục này).

b) Màu sắc: Dây lưng màu đen, khóa dây lưng màu vàng.

4. Bít tất

a) Kiểu dáng: Tất cổ cao; chất liệu cotton pha spandex, bền, co giãn, thoáng khí (theo mẫu số 17 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

5. Cà vạt

a) Kiểu dáng: Cà vạt có độ dài rộng vừa phải, kiểu thắt sẵn, có khóa kéo, có chốt hãm tự động; chất liệu vải Gabardine pha len (theo mẫu số 18 Phụ lục này).

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

6. Áo mưa ni lông

a) Kiểu dáng: Chui đầu, xẻ cạnh có ống tay; mũ lưỡi trai liền áo, có dây mũ buộc (theo mẫu số 19 Phụ lục này).

b) Màu sắc: Màu xanh đen.

Điều 4. Bộ cấp hiệu của người lao động

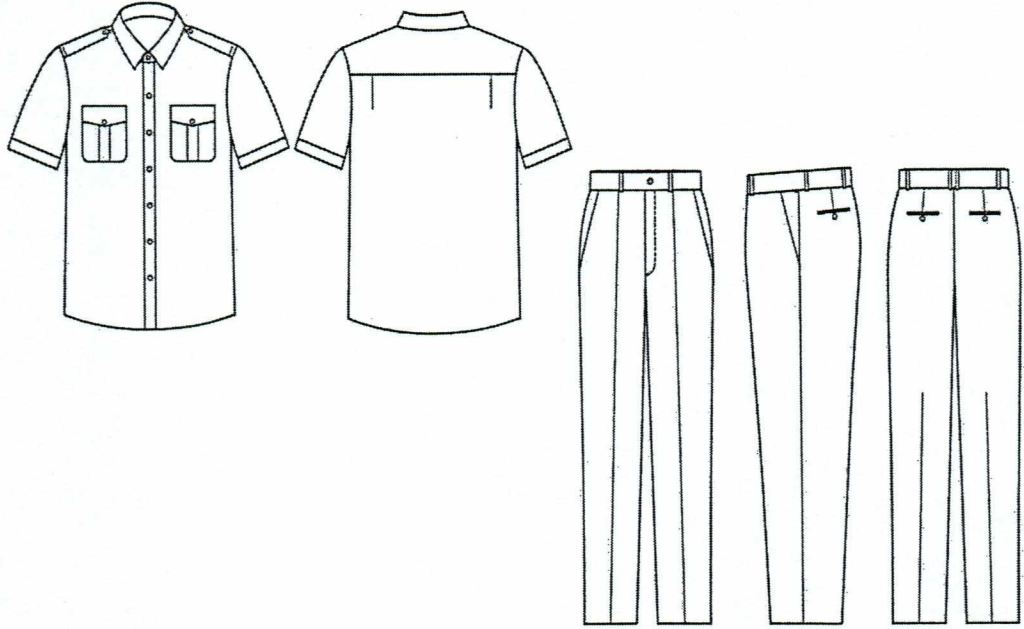
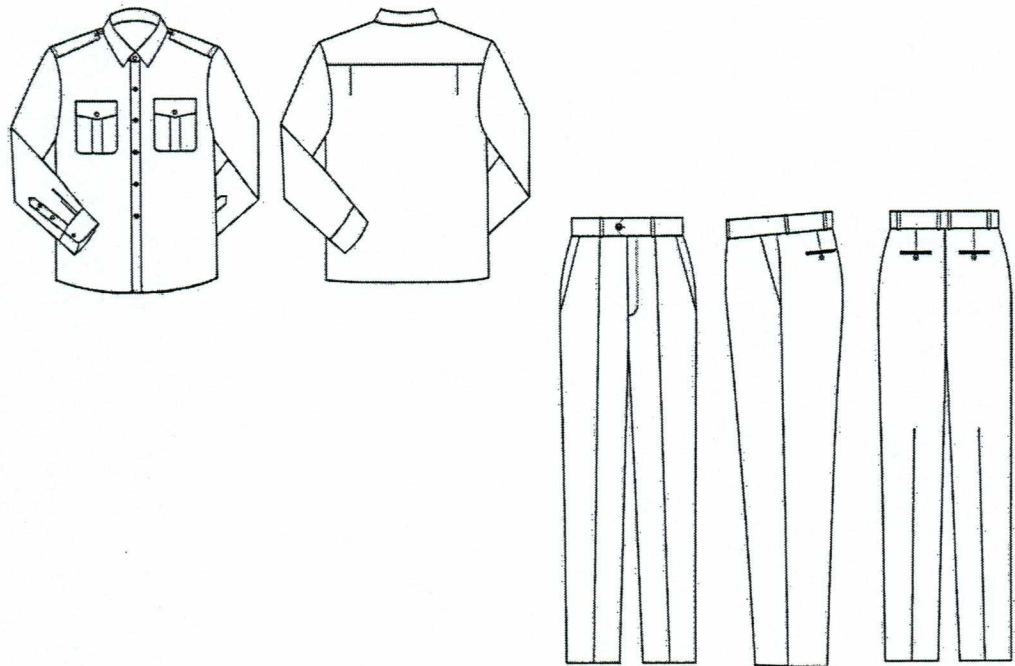
1. Bộ cấp hiệu của người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy gồm: cấp hiệu trên cầu vai áo và cấp hiệu trên ve áo.

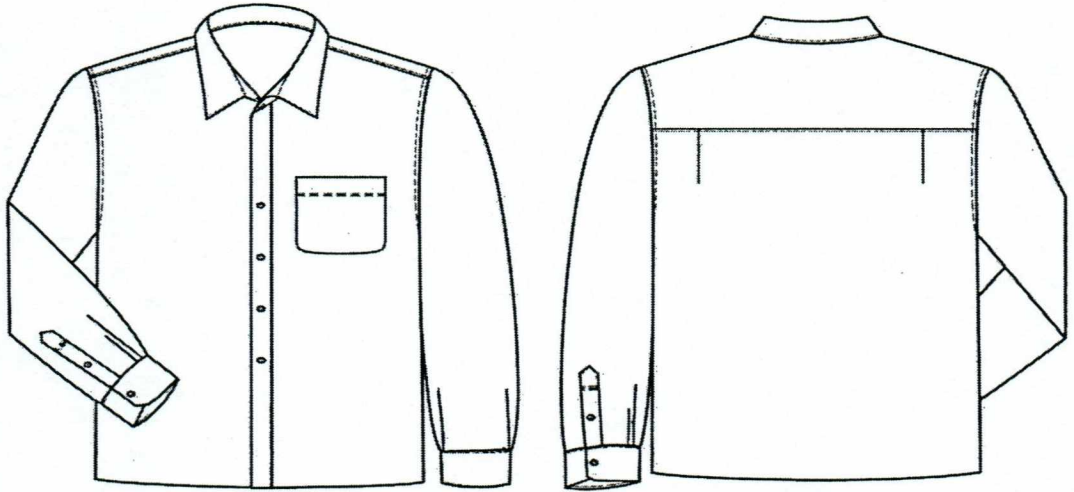
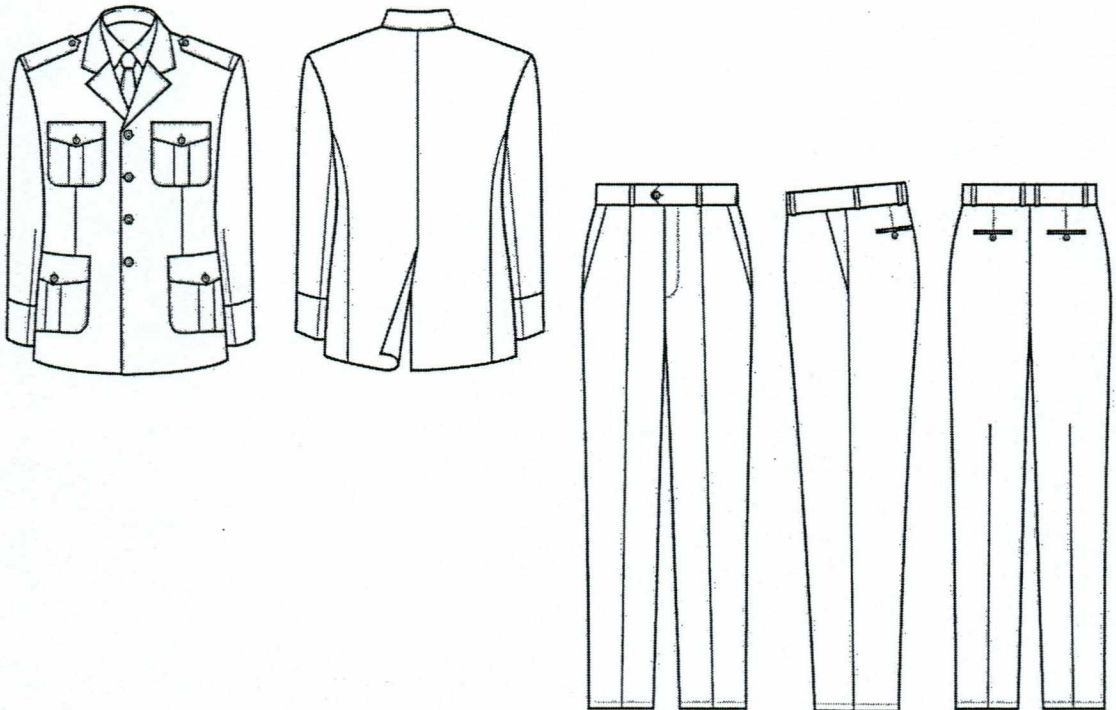
2. Kiểu dáng theo mẫu số 20 Phụ lục này.

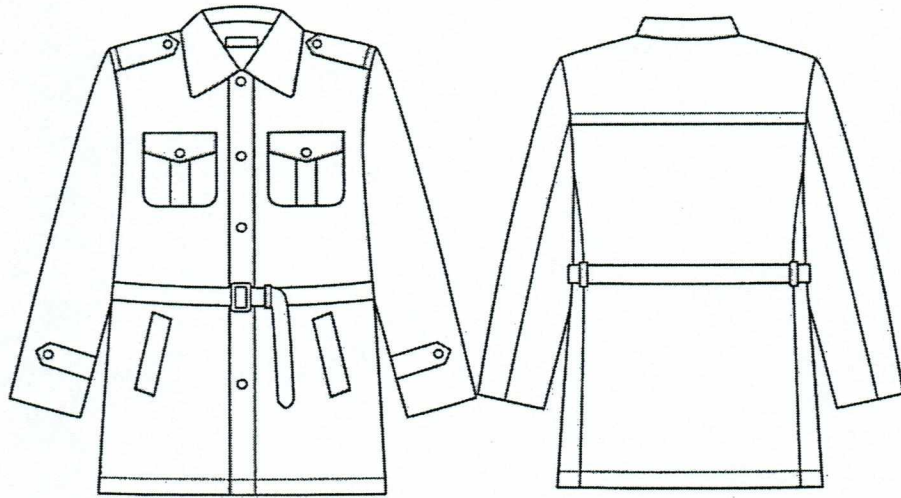
a) Cấp hiệu trên cầu vai áo: vải màu xanh rêu đậm, xung quanh có viền màu đỏ boóc-đô. Trên nền cấp hiệu, ở phần đầu là một khối hình tròn có dập nổi ngôi sao 5 cánh ở giữa và phần giữa cấp hiệu có các ngôi sao hình khối bằng kim loại màu vàng.

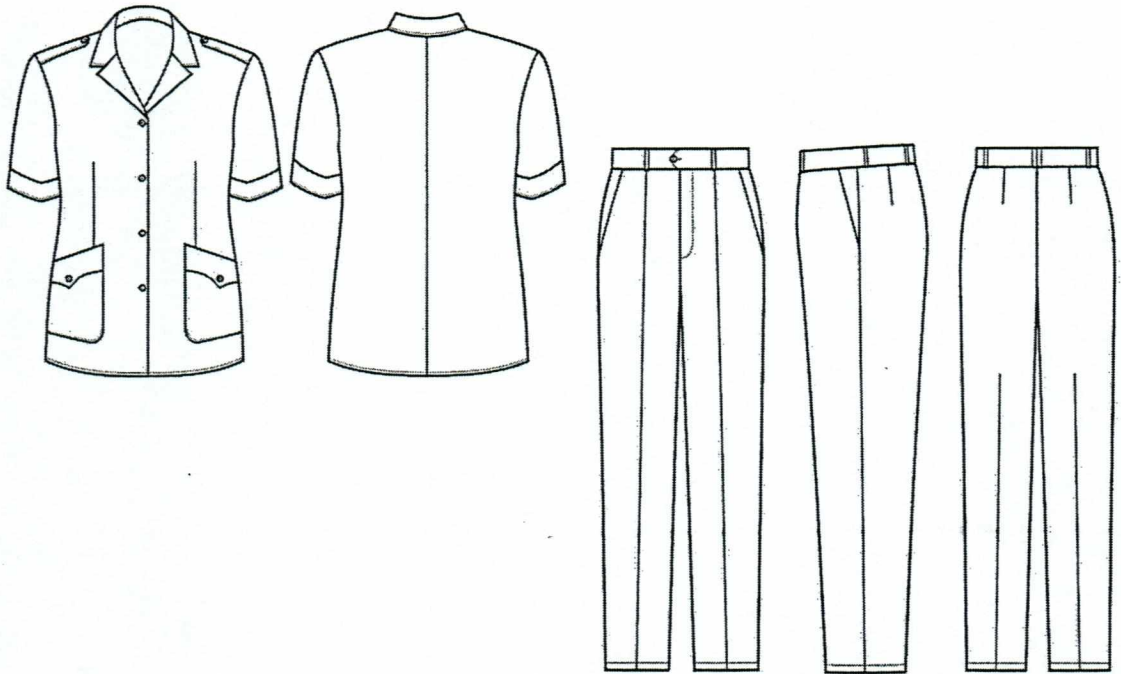
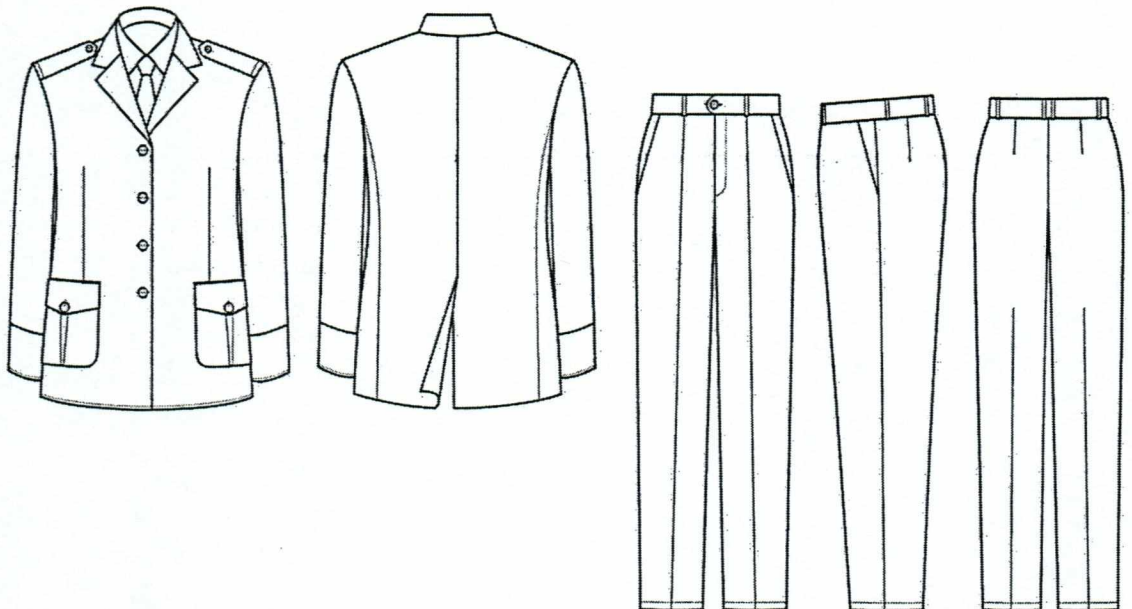
Trên cầu vai áo của người lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập có 01 ngôi sao hình khối bằng kim loại màu vàng vị trí nằm chính giữa cấp hiệu, phần cuối cấp hiệu là 01 gạch bằng kim loại màu vàng nằm theo chiều ngang.

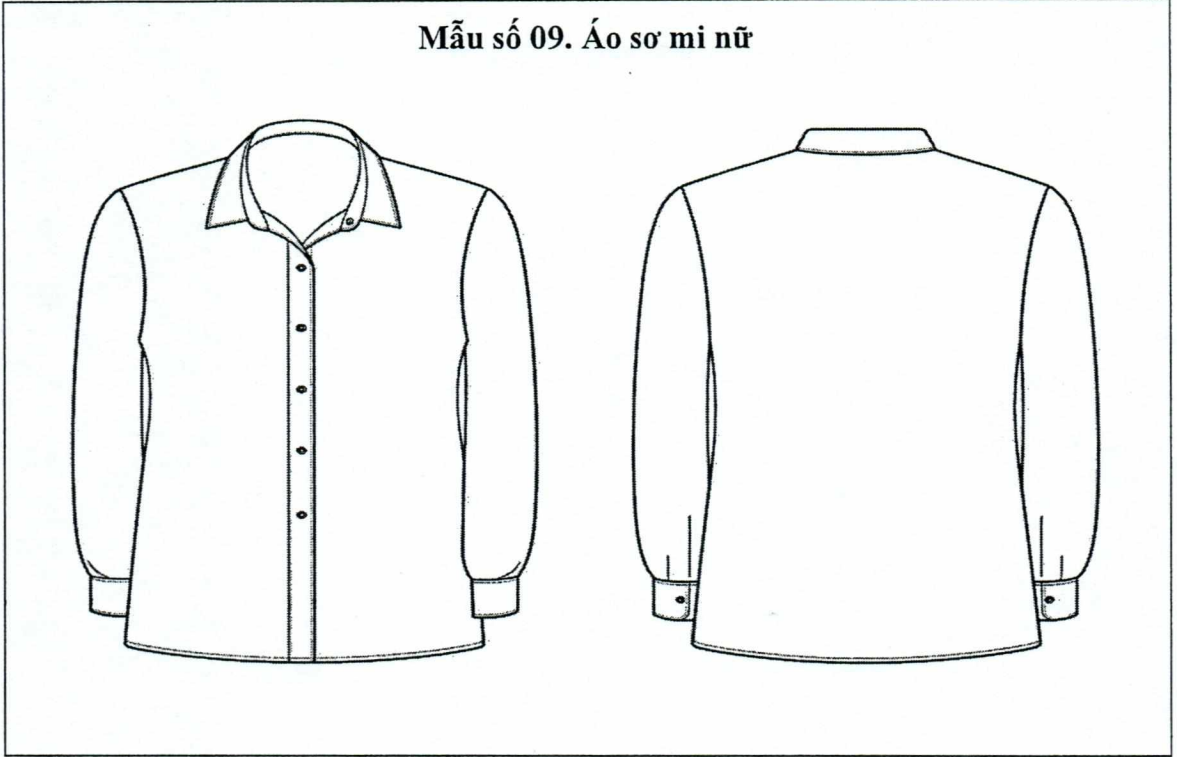
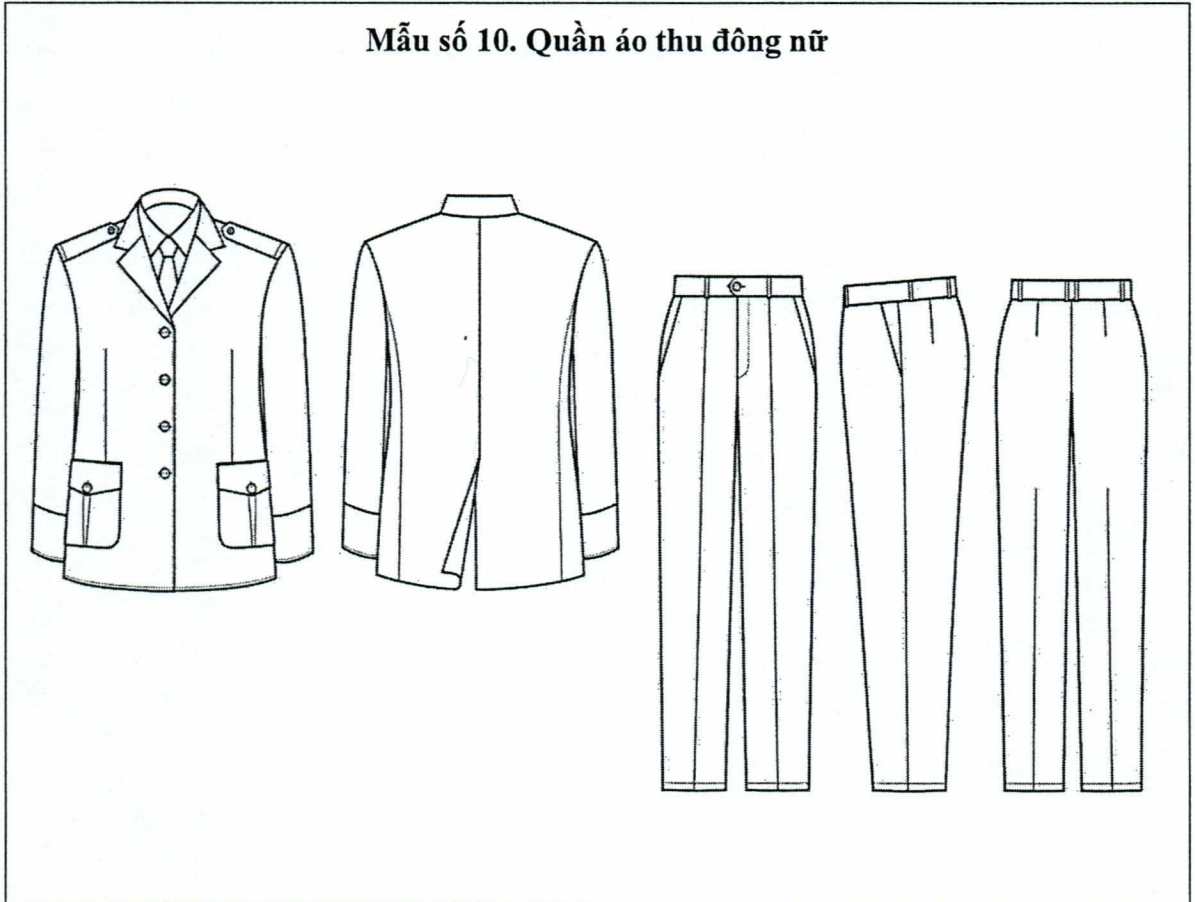
b) Cấp hiệu trên ve áo: vải màu xanh dương đậm, hình bình hành, nền màu xanh rêu đậm, ở giữa có ngôi sao vàng; xung quanh có viền bằng vải màu vàng.

Mẫu số 01. Quần áo xuân hè ngắn tay nam**Mẫu số 02. Quần áo xuân hè dài tay nam**

Mẫu số 03. Áo sơ mi nam**Mẫu số 04. Quần áo thu đông nam**

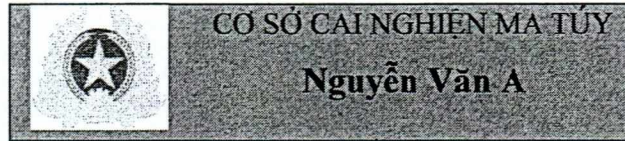
Mẫu số 05. Áo khoác ngoài mùa đông nam**Mẫu số 06. Giày da nam**

Mẫu số 07. Quần áo xuân hè ngắn tay nữ**Mẫu số 08. Quần áo xuân hè dài tay nữ**

Mẫu số 09. Áo sơ mi nữ**Mẫu số 10. Quần áo thu đông nữ**

Mẫu số 11. Áo khoác ngoài mùa đông nữ**Mẫu số 12. Giày da nữ**

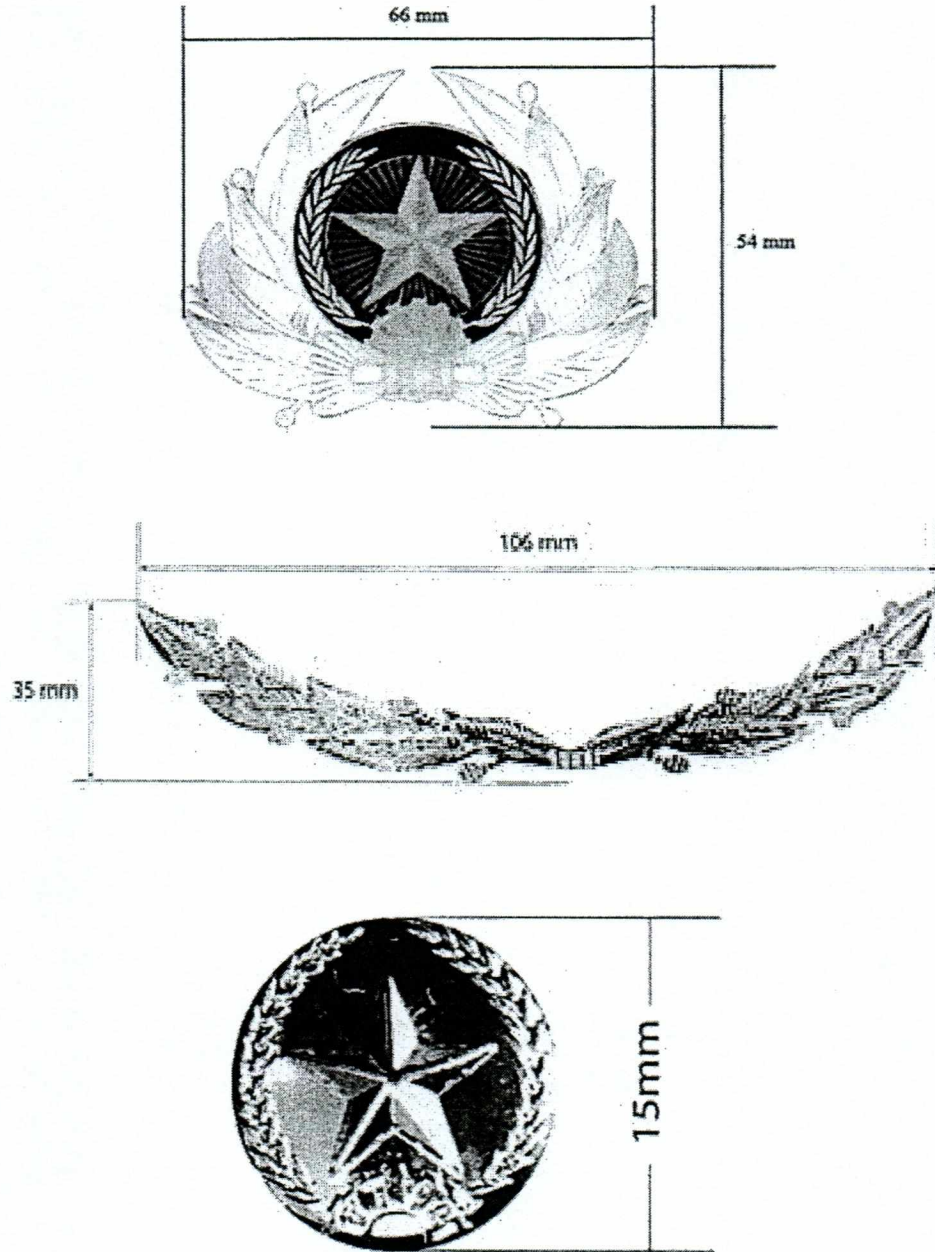
Mẫu số 13. Biển tên



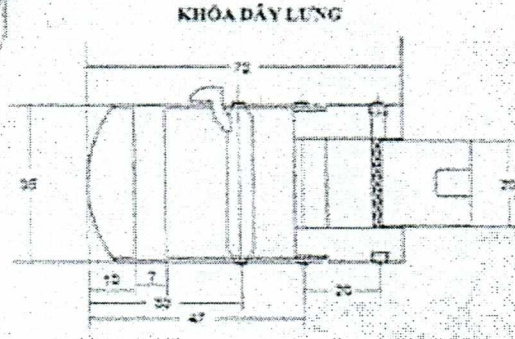
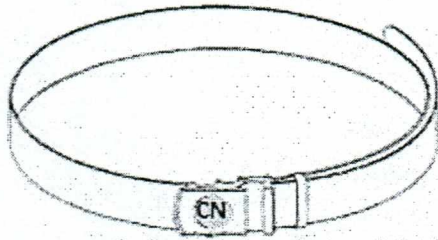
Mẫu số 14. Mũ Kêpi



Mẫu số 15. Sao mũ, cành tùng, cúc mũ kê pi

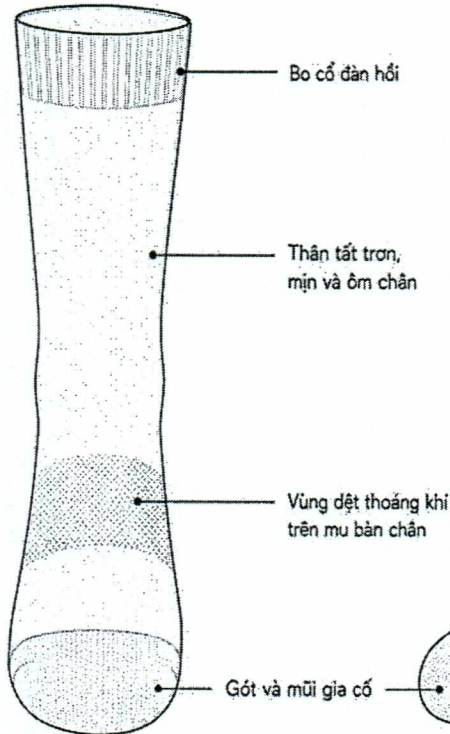


Mẫu số 16. Dây lưng

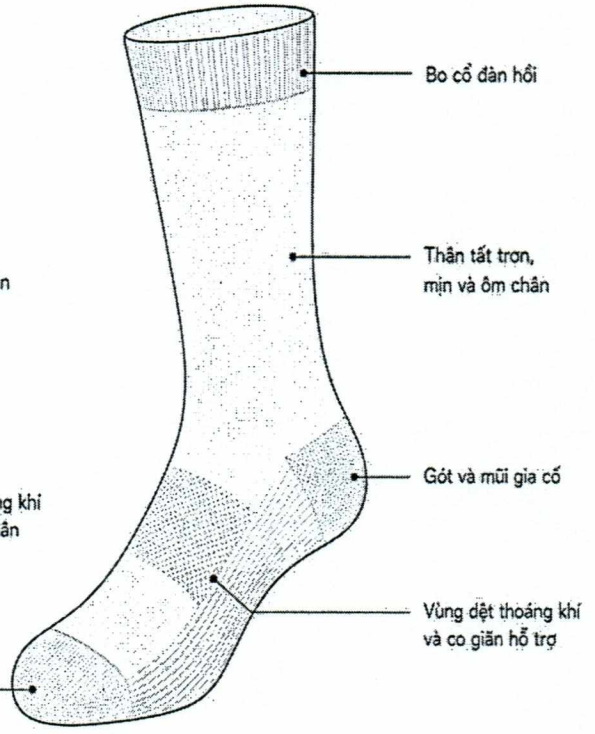


Mẫu số 17. Bít tất

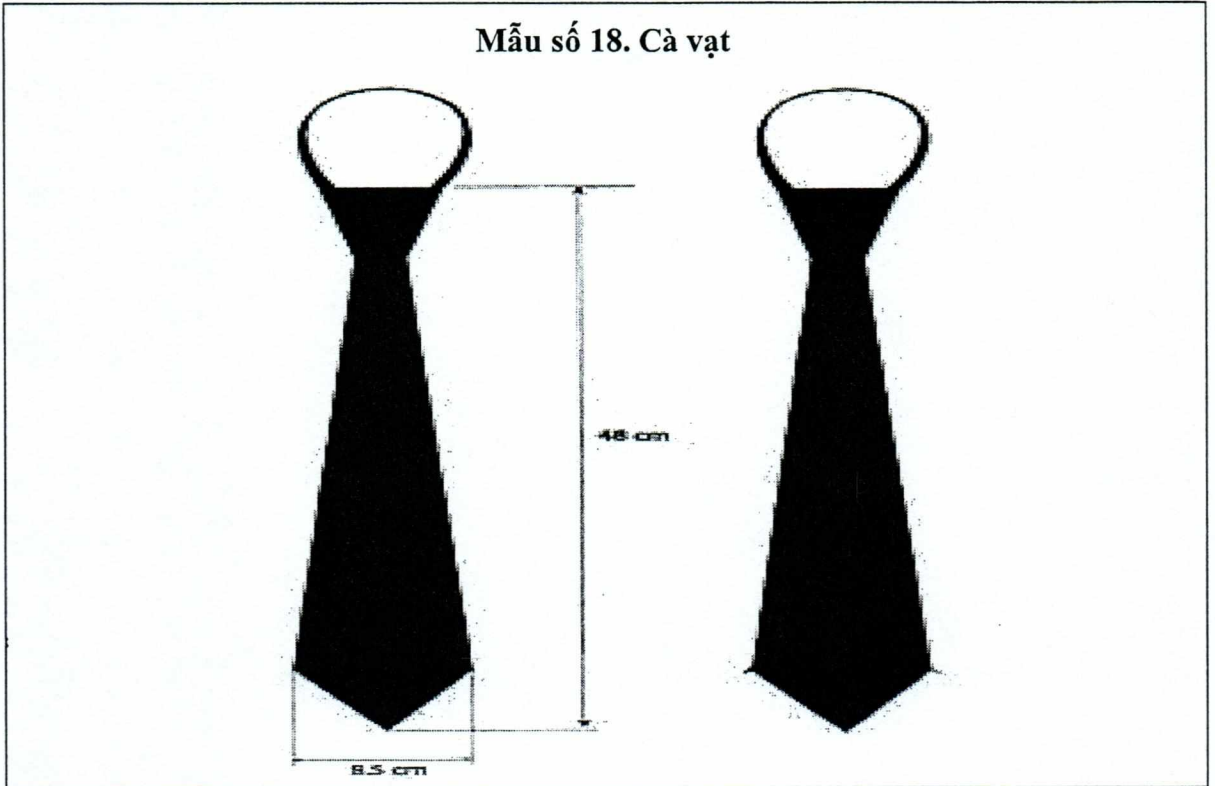
MẶT TRƯỚC



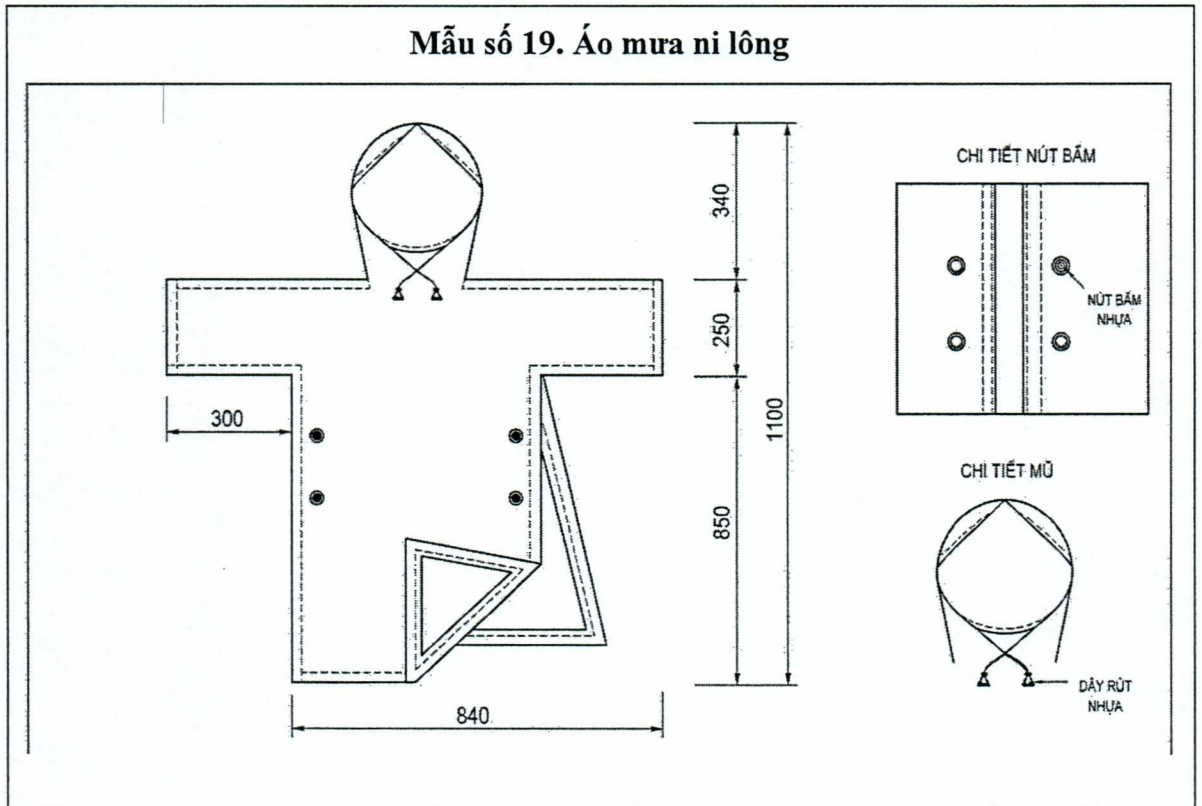
MẶT NGHIÊNG (BÊN)



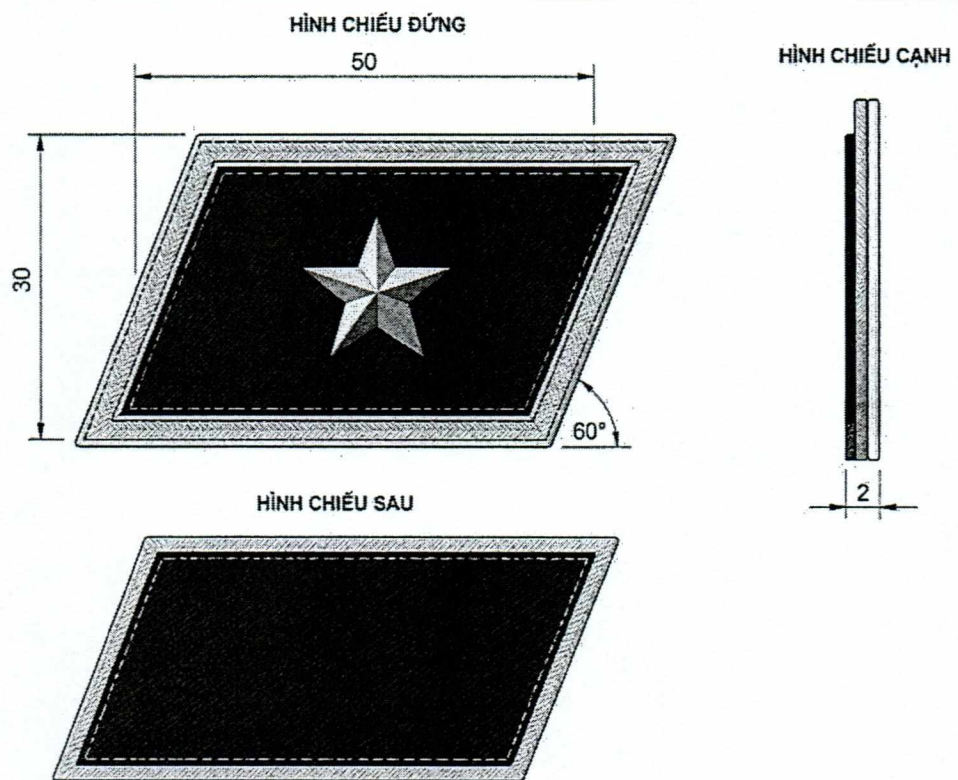
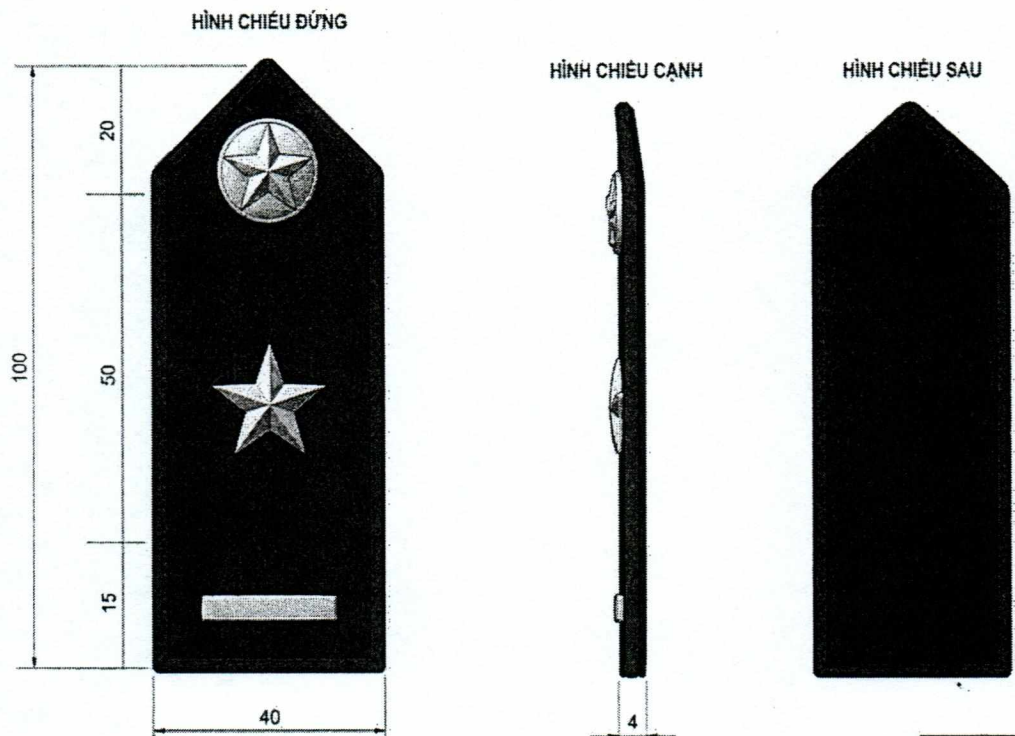
Mẫu số 18. Cà vạt



Mẫu số 19. Áo mưa ni lông



Mẫu số 20. Bộ cấp hiệu



Phụ lục V

TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BCA ngày 05 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

1. Quần, áo dài tay

a) Kiểu dáng theo mẫu số 01 Phụ lục này.

- Áo: cổ bẻ tiêu chuẩn, có phần chân cổ đứng; đường cài cúc (Placket), nẹp áo đính 02 khuy cài. Tay áo dài ôm nhẹ bắp tay, phần gấu tay thường có bo thun dệt kim gọn gàng. Sau áo có ghi tên Cơ sở cai nghiện ma túy.

- Quần kiểu suông, bỏ đũng, cạp may luôn dây rút.

b) Màu sắc: vàng cam đối với người cai nghiện ma túy là nam giới; hồng phấn nhạt đối với người cai nghiện ma túy là nữ giới.

2. Quần, áo ngắn tay

a) Kiểu dáng theo mẫu số 02 Phụ lục này.

- Áo: cổ bẻ tiêu chuẩn, có phần chân cổ đứng; đường cài cúc (Placket), nẹp áo đính 02 khuy cài. Tay áo ngắn ôm nhẹ bắp tay, phần gấu tay thường có bo thun dệt kim gọn gàng. Sau áo có ghi tên Cơ sở cai nghiện ma túy.

- Quần kiểu suông, bỏ đũng, cạp may luôn dây rút.

b) Màu sắc: vàng cam đối với người cai nghiện ma túy là nam giới; hồng phấn nhạt đối với người cai nghiện ma túy là nữ giới.

3. Quần, áo lót nam

a) Kiểu dáng theo mẫu số 03 Phụ lục này.

- Cổ tròn, viền cổ bo tròn ôm sát phần cổ, thân áo suông, tay ngắn. Sau áo có ghi tên Cơ sở cai nghiện ma túy.

- Quần đùi bỏ đũng, cạp may luôn dây rút.

b) Màu sắc: vàng cam.

4. Quần, áo lót nữ

a) Kiểu dáng theo mẫu số 04 Phụ lục này.

- Áo kiểu pyjama/blouse nữ, dáng suông, thân áo dài qua hông. Áo có cổ bẻ ve chữ V, nẹp áo mở giữa thân trước, cài bằng hàng khuy dọc. Tay áo ngắn, dáng rộng vừa phải, gấu tay có viền trang trí ren. Thân trước có 01 túi ốp ngực bên trái, miệng túi có chi tiết nơ nhỏ trang trí. Mép cổ, ve áo và đường nẹp cổ

được trang trí bằng ren mềm, tạo cảm giác nhẹ nhàng, nữ tính. Gấu áo may thẳng, dáng suông, không bo.

- Quần dài dáng suông, ống rộng vừa, chiều dài đến mắt cá chân. Cạp quần may chun co giãn, có độ nhún đều quanh vòng eo, giúp dễ mặc và điều chỉnh theo cơ thể. Thân quần không có túi, đường ống thẳng, thoải mái khi vận động. Gấu quần may viền, có ren trang trí đồng bộ với áo.

b) Màu sắc: hồng phấn nhạt.

5. Áo ấm - Áo trấn thủ

a) Kiểu dáng theo mẫu số 05 Phụ lục này.

Kiểu áo gile 03 lớp: Giữa hai lớp vải chính là bông PE được chần với lớp ngoài thành hình các ô vuông có kích thước 5 cm x 5 cm. Nẹp áo một hàng cúc 5 chiếc. Hai bên sườn xé hết phần đai, đai áo chần bông hình quả trám.

b) Màu sắc: vàng cam.

6. Quần, áo bảo hộ lao động

a) Kiểu dáng theo mẫu số 06 Phụ lục này.

- Áo: Kiểu blouson, dài tay, măng séc cài khuy, đai liền quây, cổ đực, cầu vai đơn rời, nẹp liền cài khuy. Sau áo có ghi tên Cơ sở cai nghiện ma túy.

- Quần: Cạp dây rút, rời, gấu may, không túi.

b) Màu sắc: vàng cam.

7. Bít tất

a) Kiểu dáng: Tất cổ lửng; chất liệu cotton pha spandex, bền, co giãn, thoáng khí theo mẫu số 07 Phụ lục này.

b) Màu sắc: vàng cam.

8. Dép nhựa

a) Dép nhựa nữ:

- Kiểu dáng: Dép nhựa nữ là kiểu dép lê quai đực liền đế không có khóa trang trí theo mẫu số 08 Phụ lục này.

- Màu sắc: hồng phấn nhạt.

b) Dép nhựa nam:

- Kiểu dáng: Dép nhựa nam là kiểu dép lê quai đực liền đế không có khóa trang trí theo mẫu số 09 Phụ lục này.

- Màu sắc: vàng cam.

9. Mũ vải

a) Kiểu dáng: Mũ vải tai bèo (nón tai bèo) có vành rộng, mềm, chất liệu kaki 65/35 hoặc dù, có dây gài điều chỉnh theo mẫu số 10 Phụ lục này.

b) Màu sắc: vàng cam.

10. Áo mưa ni lông

a) Kiểu dáng: Chui đầu, xẻ cạnh có ống tay; mũ lưỡi trai liền áo, có dây mũ buộc theo mẫu số 11 Phụ lục này.

b) Màu sắc: vàng cam.

Mẫu số 01. Quần áo dài tay

MẶT TRƯỚC

MẶT SAU

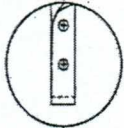


Cạp lượn dây rút

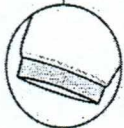
CHI TIẾT



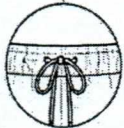
Cổ bẻ tiêu chuẩn
chân cổ đứng



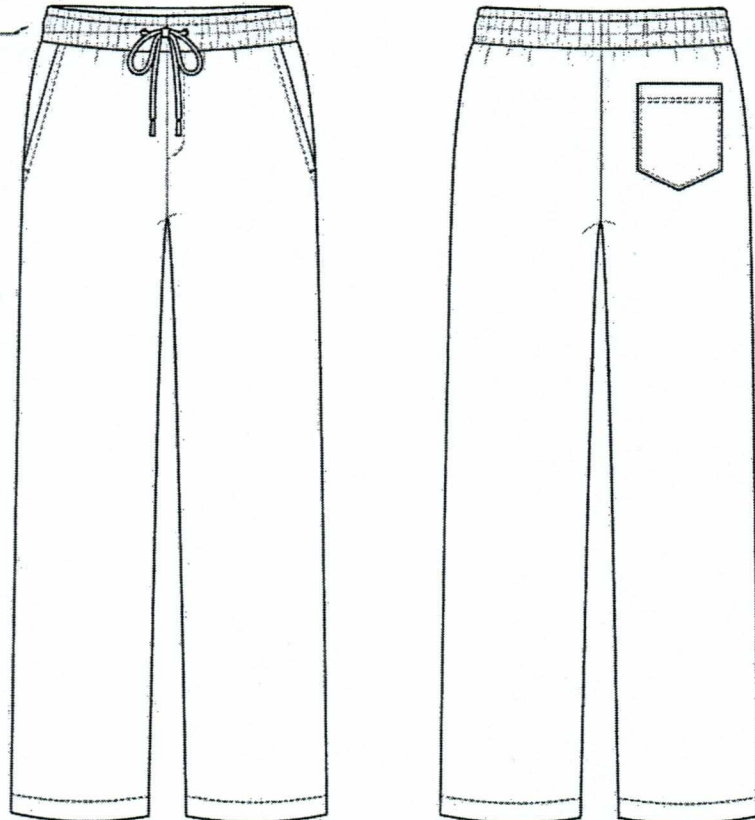
Nẹp 2 khuy



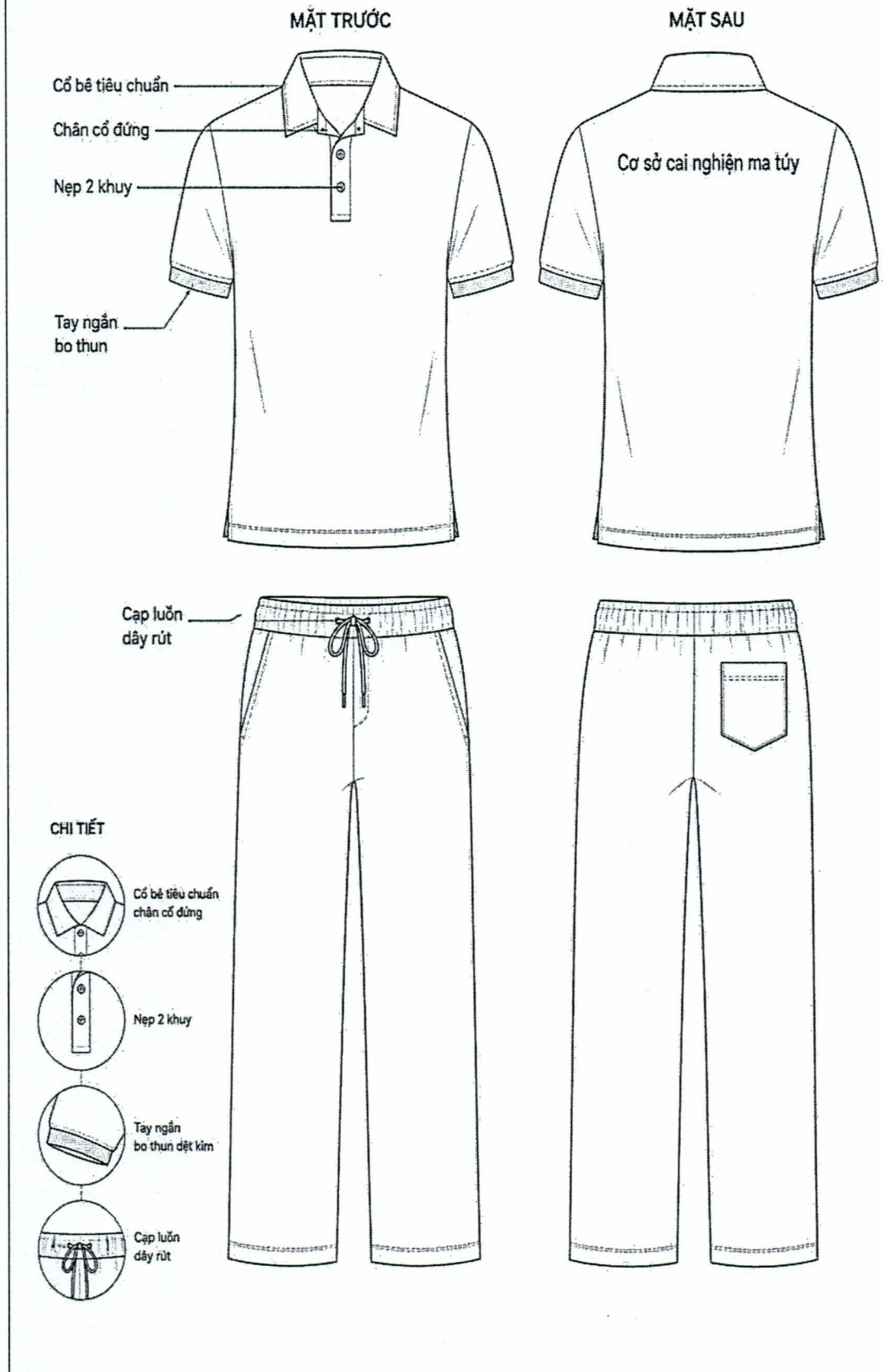
Tay dài
bo thun dệt kim



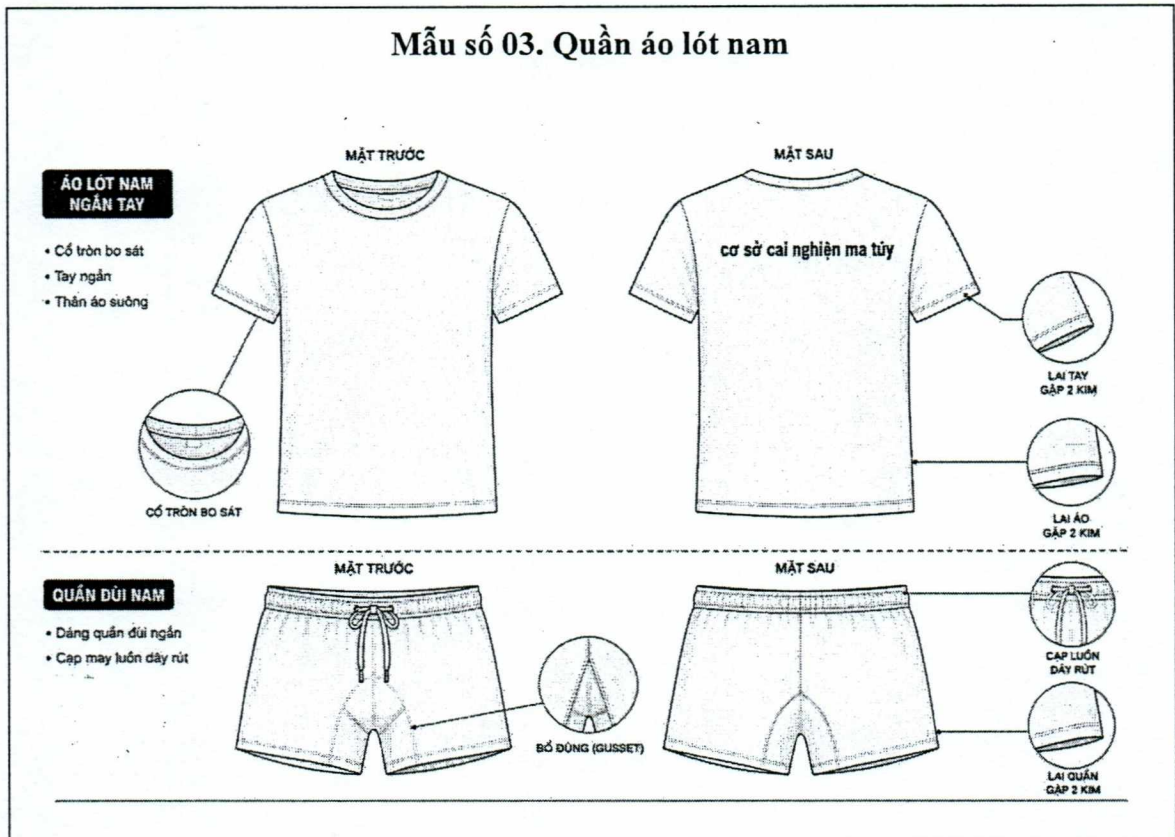
Cạp lượn
dây rút



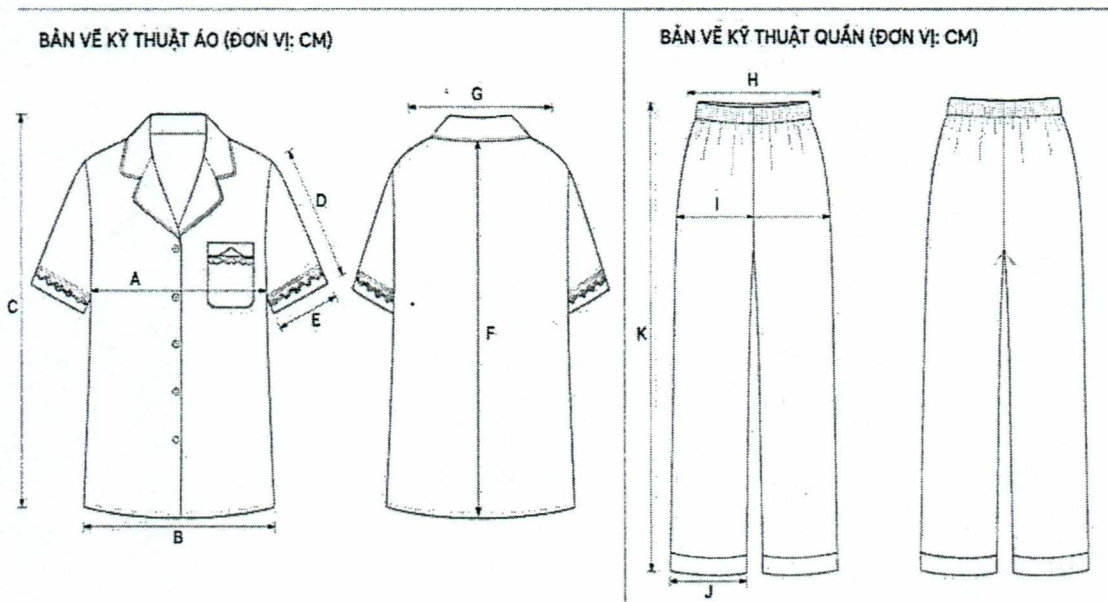
Mẫu số 02. Quần áo ngắn tay



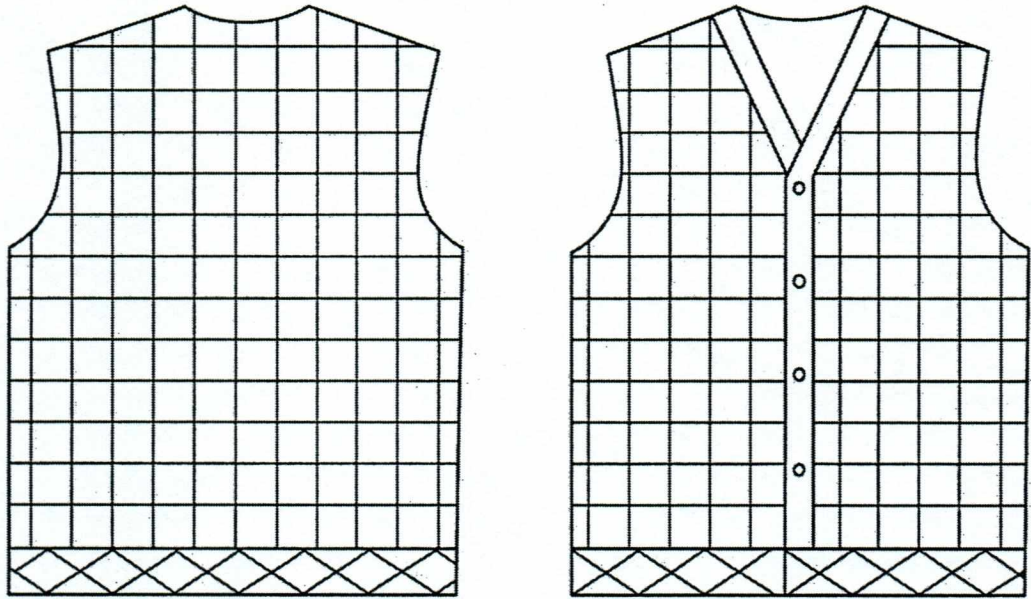
Mẫu số 03. Quần áo lót nam



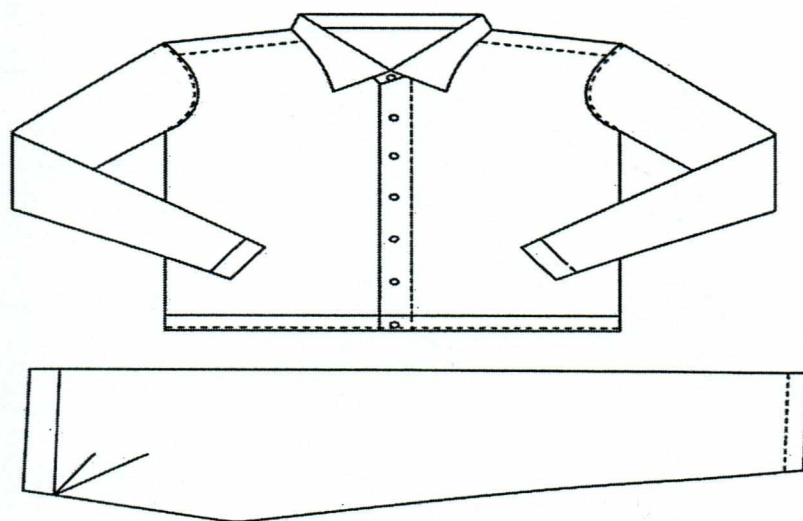
Mẫu số 04. Quần áo lót nữ



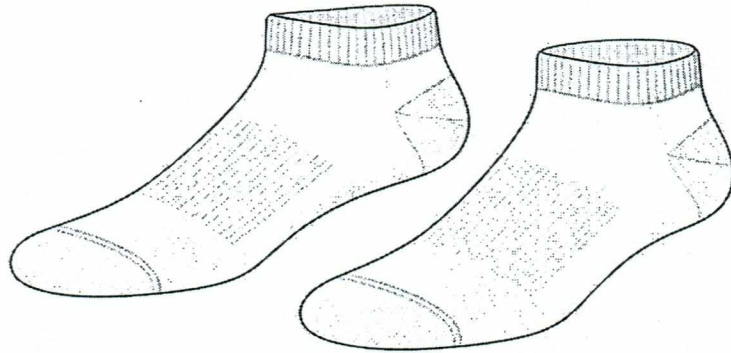
Mẫu số 05. Áo ấm – Áo trần thủ



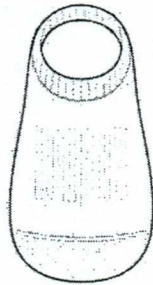
Mẫu số 06. Quần áo bảo hộ lao động



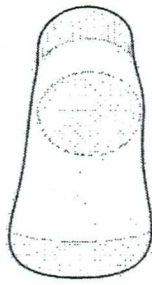
Mẫu số 07. Bít tất



MẶT TRƯỚC



MẶT SAU



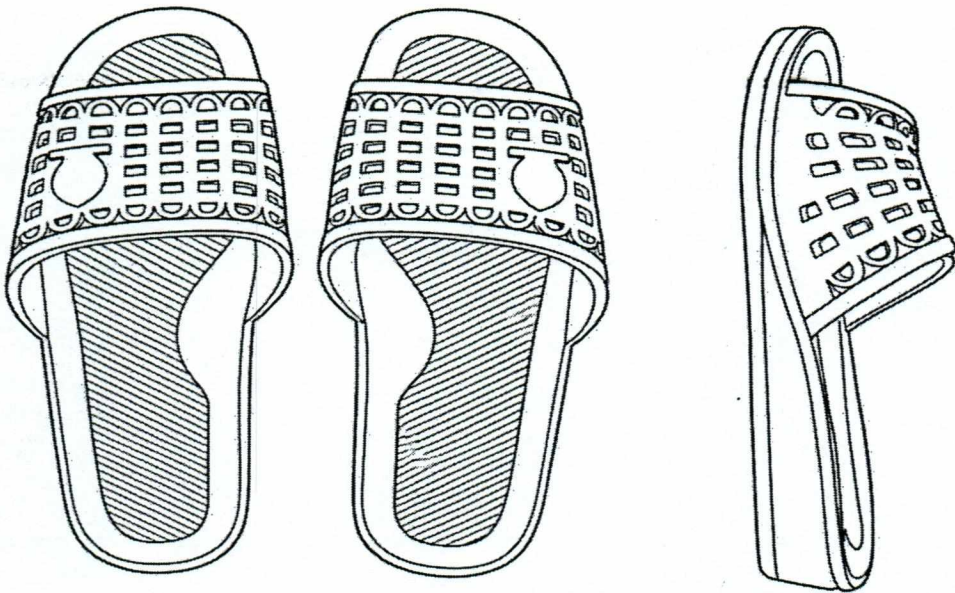
MẶT BÊN NGOÀI



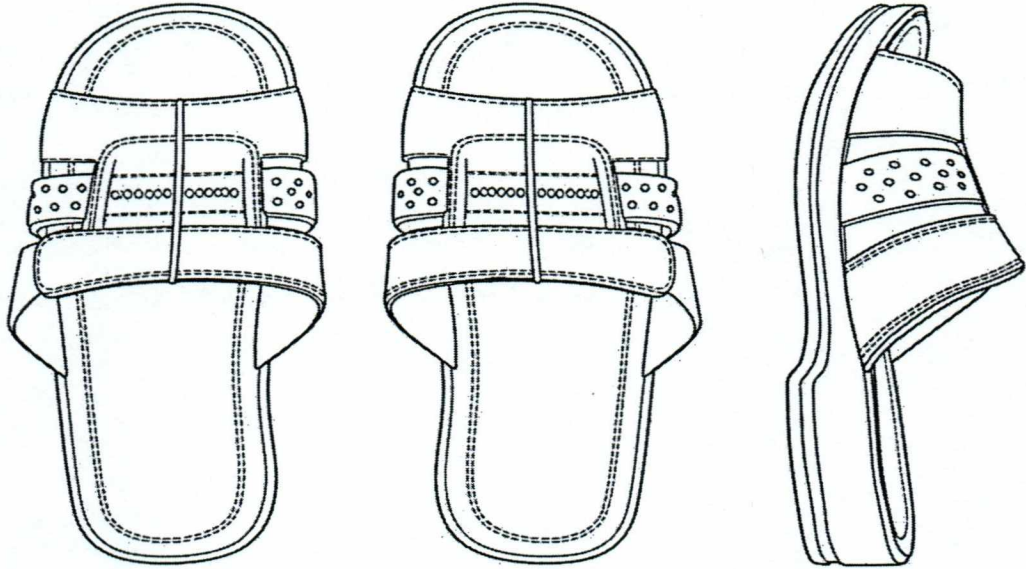
MẶT BÊN TRONG



Mẫu số 08. Dép nhựa nữ



Mẫu số 09. Dép nhựa nam



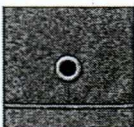
Mẫu số 10. Mũ vải

THIẾT KẾ MŨ VÀNH RỘNG

THÔNG TIN CHI TIẾT



CHI TIẾT



LỖ THÔNG GIÓ
Hai bên



ĐƯỜNG MAY
May viền trên vành mũ



DÂY & KHÓA
Dây quai điều chỉnh
khóa gài nhựa

Mẫu số 11. Áo mưa ni lông

